

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



KHOA CƠ BẢN

**BÀI GIẢNG
TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH**

ĐỖ MINH SƠN

Hà Nội 2016

CHƯƠNG 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Học tập, nghiên cứu chương 4 cần nắm vững những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự ra đời, vai trò, bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam.
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về ĐCSVN là đảng cầm quyền.
- Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về sự vai trò của công tác xây dựng Đảng, nội dung công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.
- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam.
- Liên hệ với công tác xây dựng Đảng cộng sản ở Việt Nam hiện nay.

B. NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Một trong những cống hiến xuất sắc của Hồ Chí Minh đối với phát triển chủ nghĩa Mác Lênin là luận điểm về sự thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở nước thuộc địa nửa phong kiến.

Khi phân tích tình hình kinh tế - xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng như tình hình cụ thể của nước Nga, Lê- nin đã đưa ra luận điểm về qui luật chung hình thành Đảng Cộng sản: là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân. Chủ nghĩa Mác là cơ sở lý luận để dẫn dắt phong trào công nhân, có xu hướng đi vào phong trào công nhân, phản ánh lợi ích và bảo vệ lợi ích phong trào công nhân. Phong trào công nhân là cơ sở xã hội, là sức mạnh vật chất của chủ nghĩa Mác. Khi hai lực lượng vật chất và tinh thần kết hợp được với nhau sẽ xuất hiện tổ chức Cộng sản của phong trào công nhân.

Xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam, Hồ Chí Minh bổ sung thêm yếu tố thứ ba, đó là phong trào yêu nước. Nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định trong bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*: Chủ nghĩa Mác- Lênin kết hợp với phong trào công

nhân và phong trào yêu nước dẫn tới việc thành lập Đảng cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930.

Đây là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin về qui luật hình thành Đảng Cộng sản, nó phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Trên cơ sở hoạt động thực tiễn trong phong trào công nhân quốc tế, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê nin cũng như nghiên cứu các giai cấp ở Việt Nam, đặc biệt là giai cấp công nhân Việt Nam, Hồ Chí Minh thấy rõ:

Vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác- Lê nin với cách mạng Việt Nam cũng như vai trò của Đảng Cộng sản đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh cũng phân tích, đánh giá cao vai trò, vị trí của giai cấp công nhân Việt Nam trong sắp xếp lực lượng cách mạng. Người chỉ rõ: Giai cấp công nhân Việt Nam tuy số lượng còn ít, còn hạn chế về trình độ...nhưng có những đặc điểm hơn hẳn các giai cấp khác là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức. Giai cấp công nhân là bộ phận tiên tiến nhất trong sức sản xuất xã hội, gánh vác nhiệm vụ đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Hơn nữa, họ còn có khả năng tiếp thu tư tưởng cách mạng- Chủ nghĩa Mác-Lê nin. Tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng tích cực đến các giai cấp khác. Trên nền tảng đấu tranh đó, giai cấp công nhân Việt Nam xây dựng Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lê nin. Thông qua chính Đảng với đường lối đúng đắn lôi kéo các giai, cấp tầng lớp khác vào đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh đã đưa thêm yếu tố phong trào yêu nước vào quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam vì:

Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò to lớn trong quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam.

Phong trào yêu nước của Việt Nam là yếu tố trường tồn tạo nên truyền thống của dân tộc Việt Nam: đấu tranh kiên cường để bảo vệ độc lập dân tộc.

Phong trào yêu nước có từ hàng nghìn năm xây dựng và giữ nước của dân tộc, nó trở thành giá trị truyền thống của dân tộc, nó có trước phong trào công nhân. Khi Pháp xâm lược Việt Nam, phong trào tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của dân tộc, nó trở thành chủ nghĩa yêu nước- động lực to lớn để chiến thắng mọi kẻ thù.

Hai là, Nói đến phong trào yêu nước phải nói đến phong trào công nhân

Phong trào công nhân Việt Nam ra đời ở đầu thế kỷ XX. Khi phong trào phát triển, đã kết hợp ngay được với phong trào yêu nước vì có mục tiêu chung là đấu tranh giành độc lập

dân tộc, xây dựng đất nước. Đây là điều kiện, cũng là nét riêng biệt của giai cấp công nhân Việt Nam, vì không phải ở đâu phong trào công nhân cũng kết hợp được với phong trào yêu nước.

Ba là, Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải nói đến phong trào nông dân.

Điều đó cũng có nghĩa là phong trào công nhân kết hợp được với phong trào nông dân. Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm trên 90% dân số. Do đặc điểm riêng của giai cấp công nhân nên công nhân và nông dân là bạn đồng minh tự nhiên. Đây là cơ sở để kết hợp sức mạnh hai phong trào nông dân và phong trào công nhân. Sự kết hợp đó tạo nên động lực của cách mạng.

Bốn là, Nói đến phong trào yêu nước còn kể đến phong trào yêu nước của trí thức, tiểu tư sản...

Đây là nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố dẫn tới sự ra đời của Đảng cộng sản. Họ là lực lượng yêu nước, tuy số lượng không nhiều nhưng có vai trò là “ngòi nổ” cho các phong trào yêu nước, họ là lực lượng chủ động và có cơ hội đón “các luồng gió mới” về tư tưởng của thế giới dội vào Việt Nam.

Như vậy từ chủ nghĩa yêu nước đến phong trào công nhân rồi đến với chủ nghĩa Mác Lênin, đó là con đường mà Hồ Chí Minh và những người cộng sản đã đi, để dẫn tới sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về vai trò sáng tạo chân chính ra lịch sử của quần chúng nhân dân xuất phát về điều kiện thắng lợi trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải liên minh giai cấp, phải có Đảng lãnh đạo, từ truyền thống yêu nước của dân tộc. Hồ Chí Minh đã khẳng định:

“Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn chiến thắng”²¹.

Với khát vọng cứu nước, giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Cách mạng muốn thắng lợi phải tập hợp, vận động, tổ chức được quần chúng nhân dân vì: “Cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc riêng của một hai người. Muốn vậy phải có một đường

²¹ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 9, tr 290

lối đúng đắn để dẫn dắt, soi đường. Do đó yêu cầu khách quan là phải có một chính đảng ra đời. Trong cuốn “Đường cách mệnh” Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “*Cách mệnh trước hết phải có cái gì? trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái vững thì thuyền mới chạy*”²².

Rõ ràng sự ra đời của Đảng cộng sản là một tất yếu khách quan để tiến hành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chỉ có Đảng cách mệnh mới giải quyết được nhiệm vụ mà lịch sử đề ra.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam còn xuất phát từ chính sự thất bại của các phong trào yêu nước đi theo hệ tư tưởng phong kiến, tư sản mà các nhà chí sĩ yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã tiến hành.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời còn từ vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam mà Hồ Chí Minh đã phát hiện ra.

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, lợi ích của Đảng gắn chặt với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc nên Đảng có khả năng lôi kéo, vận động, tập hợp, tổ chức và đoàn kết các tầng lớp cách mạng theo một đường lối và phương châm đúng. Với đường lối đúng đó Đảng lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh giành chính quyền và sử dụng chính quyền đó xây dựng đất nước. Bàn về vai trò của Đảng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

“Muốn khởi đi lạc phương hướng, quân chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm đúng.

Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thì quân chúng phải tổ chức rất chặt chẽ, chí khí phải kiên quyết. Vì vậy phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh để đánh đổ kẻ địch tranh lấy chính quyền. Cách mạng thắng lợi rồi, quân chúng vẫn cần có đảng lãnh đạo”²³.

Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là tất yếu. Chính vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam là một thực tế chứng minh điều đó. Mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Hạ thấp và xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đều là sự xuyên tạc lịch sử, đi ngược với nguyện vọng của nhân dân.

²² Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000 tập 2, tr 267-268

²³ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 7, tr 228-229

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

Bàn về bản chất giai cấp của Đảng, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất của giai cấp công nhân.

Khi bàn về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh có hai cách thể hiện:

a. *Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân*

Quan điểm này được thể hiện trong sách lược vắn tắt, chương trình vắn tắt, điều lệ tóm tắt. Trong sách lược vắn tắt, Hồ Chí Minh viết: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp.”²⁴ Trong chương trình vắn tắt: “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản.”²⁵. Trong điều lệ tóm tắt: “Tôn chỉ: Đảng cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp đấu tranh để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa làm cho thực hiện xã hội cộng sản”²⁶. Cách diễn đạt này của Hồ Chí Minh trùng với quan điểm của Lê nin: Đảng cộng sản Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân.

b. *Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của nhân dân lao động, là Đảng của dân tộc*

Quan điểm này thể hiện rõ trong báo cáo chính trị Đại hội II của Đảng (2/1951).

Khi cả nước đang tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. “Trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một. Chính vì Đảng lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”²⁷. Hồ Chí Minh khẳng định như vậy về bản chất giai cấp của Đảng, nó không phải là Đảng của toàn dân mà vẫn mang bản chất giai cấp công nhân vì: đây vẫn là giai cấp duy nhất gánh vác được sứ mệnh lịch sử đại diện cho hiện tại và tương lai của đất nước.

Vấn đề quan trọng chi phối nhất là nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng đó là cơ sở để xác định bản chất giai cấp công nhân.

Về thành phần, Đảng lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng.

Về lý luận, Đảng lao động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác Lênin.

²⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 3, tr 3

²⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 3, tr 4

²⁶ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 3, tr 5

²⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 6, tr 175.

Về tổ chức, Đảng lao động Việt Nam theo chế độ tập trung dân chủ.

Về kỷ luật, Đảng lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt đồng thời là kỷ luật tự giác.

Về luật phát triển, Đảng lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục Đảng viên, giáo dục quần chúng.

Năm 1953, Hồ Chí Minh viết: “Đảng lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc... Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”²⁸. Năm 1957 Hồ Chí Minh lại chỉ rõ: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc.

Miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, năm 1961 Người lại khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, không thiên vị”.

Năm 1965 Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mặc dù có nhiều cách thể hiện khác nhau nhưng quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng là mang bản chất giai cấp công nhân. Điều này cũng giống như tên gọi của Đảng không phải lúc nào cũng mang tên Đảng Cộng sản nhưng bản chất của Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân. Luận điểm của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng định hướng cho việc xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam thành một Đảng gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ cách mạng Việt Nam. Tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam đều là Đảng viên hay không đều cảm thấy Đảng cộng sản là Đảng của mình, của Bác Hồ.

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

a. *Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền*

Từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, Hồ Chí Minh- Người cộng sản đầu tiên của Việt Nam đã xác định con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của cách mạng Việt Nam.

Từ mục tiêu cao cả đó, Hồ Chí Minh thấy cần tập hợp lực lượng toàn dân để đấu tranh, muốn vậy phải có tổ chức, trong các tổ chức đó thì chính đảng Cộng sản giữ vai trò quyết định nhất, để lãnh đạo phong trào thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ nhận thức đó, bắt đầu từ năm 1920 trở đi, Người tích cực chuẩn bị về chính

²⁸ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tr 230-231.

trị, tư tưởng, tổ chức để tiến tới thành lập Đảng. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc.

Hồ Chí Minh đã khẳng định vị trí, vai trò của Đảng đối với cách mạng- nhân tố đầu tiên quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong tác phẩm Đường Kách mệnh, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, muốn vậy “ trước phải làm cho dân giác ngộ”. Phải tiến hành tuyên truyền tập thể, tổ chức tập thể và lãnh đạo tập thể để huy động và sử dụng lực lượng to lớn của dân. Nếu không tổ chức, lãnh đạo được dân thì như đũa “mỗi nơi một chiếc”.

Để huy động được sức mạnh toàn dân thực hiện mục tiêu cách mạng “ trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”²⁹. Muốn vậy, Đảng phải vững, muốn vững “ phải có chủ nghĩa làm cốt”³⁰. Thành lập Đảng để mọi thành viên trong Đảng đó thống nhất về tư tưởng, thống nhất về hành động, muốn vậy “ trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”³¹

Rõ ràng, Hồ Chí Minh luôn nhất quán khẳng định cách mạng Việt Nam muốn thành công phải đi theo chủ nghĩa Mác-Lê nin, phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hơn nữa, Đảng Cộng sản Việt Nam phải là đảng chân chính mang bản chất của giai cấp công nhân. Chỉ có một đảng như thế mới mang lại độc lập thật sự cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, phồn vinh cho đất nước.

Một Đảng non trẻ, với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào năm 1945. Đó là lúc Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

Khái niệm “Đảng cầm quyền” là thuật ngữ được dùng trong chính trị học. Khái niệm chỉ rõ: một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp, một lực lượng xã hội nắm giữ và lãnh đạo chính quyền nhằm quản lý điều hành, quản lý đất nước theo lợi ích của giai cấp cầm quyền. “Đảng cầm quyền” được dùng phổ biến ở các nước Tư bản chủ nghĩa. Ở những nước

²⁹ ,⁴¹,⁴² Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 2, tr 267-268.

này, trong bầu cử cơ quan lập pháp (quốc hội), đảng nào giành được số phiếu đa số thì đảng đó có quyền thành lập chính phủ và trở thành đảng cầm quyền.

Trong di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh có thể bắt gặp nhiều khái niệm đồng nghĩa chỉ một hiện tượng: một đảng chính trị sau khi lãnh đạo xã hội giành được chính quyền nhà nước: “Đảng nắm quyền”, “Đảng lãnh đạo chính quyền”, “Đảng cầm quyền”. Trong những khái niệm đó “Đảng cầm quyền” phản ánh chính xác nhất vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được chính quyền nhà nước, lãnh đạo nhà nước tiếp tục thực hiện mục tiêu của cách mạng: Giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bản chất của Đảng không thay đổi. Mục tiêu, lý tưởng của Đảng là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ở những giai đoạn cách mạng khác nhau thì mục tiêu cách mạng được thể hiện thông qua những nhiệm vụ cụ thể.

Khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ chính của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng là lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến, thiết lập chính quyền nhân dân. Đảng sử dụng phương thức lãnh đạo chủ yếu là tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, vận động và tổ chức, đưa quần chúng vào cuộc đấu tranh giành chính quyền.

Khi có chính quyền, Đảng trở thành Đảng cầm quyền, Đảng lại đứng trước thử thách to lớn, nặng nề phải vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ mới. Mỗi đảng viên của đảng không được lãng quên mục tiêu, nhiệm vụ của mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là điểm khởi đầu để xây dựng Đảng ta xứng đáng với danh hiệu Đảng cầm quyền.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền được thể hiện trên một số nội dung sau:

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống xã hội

Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền.

Đảng cộng sản Việt Nam không có mục đích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, lợi ích của nhân dân. Mục tiêu đó, lý tưởng đó luôn là định hướng cho mọi hoạt động của Đảng. Người chỉ rõ: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý

tướng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”³² Mục đích, lý tưởng đó không thay đổi, trong điều kiện Đảng cầm quyền còn có thêm những điều kiện mới, sức mạnh mới để hiện thực hóa mục tiêu lý tưởng nhưng cũng xuất hiện những nhân tố có thể làm chệch mục tiêu, lý tưởng đó đòi hỏi Đảng nâng cao năng lực mọi mặt của mình để hoàn thành nhiệm vụ.

Hồ Chí Minh đã nhận thức một cách sâu sắc những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của Lê nin, vận dụng vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam để cụ thể hóa mục đích, bản chất của một đảng mác xít chân chính vào quá trình xây dựng và hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam nhằm làm cho mỗi đảng viên, mỗi tổ chức đảng ý thức đầy đủ và đúng đắn chức năng, nhiệm vụ của mình trong mỗi hoạt động, chỉ đạo của Đảng cũng như trong quá trình củng cố và xây dựng Đảng thật sự là một Đảng cách mạng, chân chính.

Đảng cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo, tức là xác định quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn bộ xã hội, đặc biệt khi có chính quyền, Đảng lãnh đạo nhà nước. Như vậy, đối tượng lãnh đạo của Đảng là quần chúng nhân dân trong toàn dân tộc. Mục tiêu của Đảng là đấu tranh nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, hạnh phúc ấm no cho nhân dân. Đảng muốn thực hiện được lý tưởng đó, Đảng phải lãnh đạo được dân chúng. Muốn lãnh đạo dân chúng Đảng phải là hiện thân của lương tâm, danh dự và trí tuệ của dân tộc, muốn vậy, đội ngũ đảng viên, cán bộ của Đảng phải có phẩm chất, năng lực cần thiết. Vì “quần chúng chỉ quý mến những người có có tư cách, đạo đức” và “ chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”³³

Đảng là người lãnh đạo, theo Hồ Chí Minh, phương thức lãnh đạo phải bằng giáo dục, thuyết phục, nghĩa là Đảng phải làm cho dân tin, dân phục để dân làm theo.

Đảng lãnh đạo xã hội phải thông qua tổ chức, tức là Đảng phải đoàn kết nhân dân thông qua tổ chức của quần chúng. Đảng phải đảm bảo lãnh đạo mọi mặt đời sống xã hội: “ Đảng vừa lo tính công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành một

³²Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 11, tr 372.

⁴⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 3, tr 139.

nền kinh tế và văn hóa tiên tiến, đồng thời lại luôn quan tâm đến việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hằng ngày của nhân dân”.³⁴

Để lãnh đạo tốt mọi mặt đời sống xã hội, Đảng phải sâu sát, gắn bó với nhân dân. Để xây dựng dân chủ trong mọi mặt đời sống xã hội, Đảng phải thực hành dân chủ triệt để trong nội bộ Đảng, để phát huy hết khả năng trí tuệ của đảng viên và nhân dân.

Đảng lãnh đạo xã hội thông qua nhà nước, do vậy Đảng phải lãnh đạo xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Thông qua việc lãnh đạo toàn diện nhà nước mà trọng tâm là xây dựng hệ thống luật pháp để quản lý điều hành xã hội.

Đảng lãnh đạo toàn diện xã hội thông qua nhà nước bằng nghị quyết, đường lối và hệ thống tổ chức của Đảng cùng đội ngũ đảng viên của mình. Do đó, một trong những điều cốt tử để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo Đảng đối với toàn xã hội là Đảng phải xây dựng được đường lối đúng đắn và bảo đảm cho đường lối đó hiện thực hóa trong đời sống xã hội.

- Đảng cầm quyền, dân là chủ.

Chủ nghĩa Mác-Lê nin đã chỉ rõ quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử. Trong mọi cuộc cách mạng xã hội, quần chúng nhân dân luôn giữ vai trò động lực thúc đẩy cách mạng phát triển. Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền. Từ lý luận của chủ nghĩa Mác-lê nin, từ kinh nghiệm của các cuộc cách mạng xã hội trong lịch sử Hồ Chí Minh chỉ rõ: “ Cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”³⁵. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, khi cách mạng thành công, quyền lực phải thuộc về nhân dân.

Đảng lãnh đạo toàn diện xã hội thông qua nhà nước, nhà nước lại của dân, do dân vì dân. Dân làm chủ, tức là mọi quyền lực, quyền hành đều ở nơi dân. Đây là nguyên tắc cao nhất, là bản chất của chế độ mới, xa rời từ bỏ nguyên tắc này, Đảng sẽ trở thành đối lập với dân, sẽ mất vai trò lãnh đạo xã hội. Để phát huy vai trò làm chủ của dân, Đảng phải lấy “dân làm gốc”, Đảng phải nắm rõ dân tình, hiểu rõ dân tâm, nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh.

Một lô- gíc tất yếu, dân là chủ, dân muốn làm chủ thật sự phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. “Dân phải hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc sử dụng và tham gia xây dựng chính quyền”.

³⁴ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 10, tr 4.

³⁵ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 2, tr 270.

Từ mối quan hệ biện chứng giữa dân và Đảng trong việc thực hiện mục tiêu của cách mạng, Hồ Chí Minh luôn suy tư để tìm ra giải pháp hữu hiệu nhằm hiện thực hóa nguyên tắc dân chủ trong đời sống xã hội. Theo Người, cơ chế đó chỉ có thể trở thành hiện thực khi cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

- *Cán bộ đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.*

Hồ Chí Minh luôn xác định trách nhiệm của Đảng cầm quyền đối với nhân dân. Đảng là người lãnh đạo cũng đồng nghĩa với trách nhiệm là đầy tớ trung thành của dân. “Đầy tớ” không có nghĩa là “tôi tớ, tôi đòi hay theo đuôi quần chúng” mà là tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân đem lại quyền và lợi ích cho nhân dân. Người chỉ rõ: “Đã phụng sự nhân dân, thì phải phụng sự cho ra trò. Nghĩa là việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân thì phải hết sức tránh”³⁶.

Người hay nêu lên những mặt trái, những căn bệnh làm tổn hại đến tư cách của Đảng cầm quyền – Đảng đã có chính quyền, cán bộ, đảng viên có quyền lực trong tay, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Nói một cách tổng quát, quan điểm của Hồ Chí Minh là “ Bao nhiêu quyền hạn đều ở nơi dân”. Đảng cầm quyền là Đảng được nhân dân giao trách nhiệm lãnh đạo toàn xã hội để đảm bảo quyền lợi cho nhân dân.

Đảng cầm quyền phải có đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn trong sạch vững mạnh. Đây là yêu cầu chung trong tất cả các thời kỳ hoạt động của Đảng, từ khi chưa có chính quyền cả khi đã có chính quyền. Mọi hoạt động của cán bộ, đảng viên đều phải quan tâm đến lợi ích của nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải vừa có đức vừa có tài để phục vụ nhân dân. Trước hết, họ phải: “khổ trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, tận tụy với công việc, gương mẫu trước nhân dân, thường xuyên tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa khuyết điểm. Hơn nữa, để là “đầy tớ trung thành của dân”, đem lại quyền lợi cho nhân dân, cán bộ, đảng viên còn phải có tri thức khoa học, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi để thực hiện nhiệm vụ. Họ phải nắm vững và thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng để trở thành tấm gương sống lời cuốn, cổ vũ nhân dân thực hiện mục tiêu của cách mạng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng xã hội mới- xã hội xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng khó khăn phức tạp thì vai trò đội ngũ cán bộ, đảng viên càng giữ vị trí quyết định đến thắng lợi của cách mạng.

³⁶ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 6, tr 88.

Như vậy “ người lãnh đạo”và “người đầy tớ” luôn có quan hệ biện chứng với nhau để thực hiện nhiệm vụ Đảng cầm quyền, nhưng đều có chung một mục tiêu: vì dân.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh

1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh luôn chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đó là một hệ thống mang tính nhất quán, xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành nhiệm vụ mà giai cấp, nhân dân, dân tộc giao phó. Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng không phải là một giải pháp tình thế, không phải khi trong Đảng có đột biến hay “ có vấn đề nổi cộm”. Đó là một công việc vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài đối với quá trình lãnh đạo của Đảng.

Khi cách mạng gặp khó khăn, xây dựng Đảng giúp cán bộ, đảng viên củng cố quan điểm, lập trường, bình tĩnh, sáng suốt, không bị động, lúng túng, bi quan trước biến động của tình hình.

Khi cách mạng trên đà thắng lợi, đề đề phòng căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản”, ngăn ngừa chủ quan duy ý chí, tự mãn, lạc quan tếu... cũng cần phải xây dựng Đảng.

Tính tất yếu phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Hồ Chí Minh lý giải dựa trên những căn cứ sau đây:

a. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng bị chế định bởi nhiệm vụ của cách mạng.

Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình bao gồm nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn. Mỗi thời kỳ lại có mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể. Để vươn lên theo kịp với tình hình cách mạng mới, để lãnh đạo cách mạng thực hiện tốt mục tiêu cách mạng, Đảng tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Là lãnh tụ của Đảng, mỗi khi triển khai nhiệm vụ ở một giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh lại chủ trương xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chủ trương đó vừa khẳng định vị trí, vai trò của Đảng đối với cách mạng Việt Nam vừa là yêu cầu, điều kiện để Đảng hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình.

b. Đảng từ xã hội mà ra nên cũng chịu ảnh hưởng cả mặt tốt và xấu của xã hội... nên phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng từ xã hội mà ra, là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội. Trong môi trường xã hội đó mỗi cán bộ, đảng viên đều bị môi trường xã hội tác động. Cái tốt, cái xấu, cái tiến bộ, cái tiêu cực, lạc hậu tác động tới suy nghĩ, hành động của mỗi cán bộ, đảng viên. Để tăng cường khả năng đề kháng các căn bệnh ngoài xã hội “thâm thấu” vào Đảng cũng như việc phát huy những cái tốt cái tiến bộ của mỗi cán bộ, đảng viên phụ thuộc vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác xây dựng Đảng càng quan trọng với một Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước tiểu nông, lạc hậu như Việt Nam.

c.Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu.

Đảng lãnh đạo xã hội, sức mạnh của Đảng thể hiện ở tổ chức và đội ngũ đảng viên. Đội ngũ đảng viên, cán bộ phải gương mẫu có đức có tài “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Vì vậy, trong quá trình xây dựng Đảng một công việc hết sức quan trọng là xây dựng đội ngũ đảng viên. Theo Hồ Chí Minh, Đảng có cơ sở khắp nơi, đa số cán bộ đảng viên vẫn xứng đáng với danh hiệu của mình, tiên phong gương mẫu, tận tụy hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích cách mạng. Nhưng vì “điều kiện khó khăn, mà số đông cán bộ và đảng viên chưa được huấn luyện hẳn hoi nên tư tưởng và trình độ chính trị còn thấp kém và lệch lạc. Điều đó tỏ rõ ra ở mỗi khuyết điểm như: không nắm vững chính sách kháng chiến tự lực cánh sinh; không phân biệt rõ bạn và địch, bệnh quan liêu, công thần và nạn tham ô hủ hóa khá nặng.v.v..”³⁷. Thậm chí còn một số thấp kém về tinh thần, đạo đức cách mạng, họ hờ hững như không có lý tưởng. Họ ít gắn bó với tập thể, không tin vào lực lượng, trí tuệ tập thể, hễ có tí thành công, có tí hiểu biết họ tự cao, tự đại, vênh vang, kiêu ngạo tự cho mình là giỏi hơn người...Một số khác thích vào Đảng để thăng quan, phát tài, tự cho mình có quyền sống xa hoa, hưởng lạc...Muốn loại bỏ cái xấu, phát huy cái tốt để Đảng vững mạnh phải thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho mỗi đảng viên hiểu rõ, hiểu đúng và thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng. Mặt khác, xây dựng chỉnh đốn Đảng giúp mỗi đảng viên tự đánh giá lại mình. Hồ Chí Minh cho rằng: con người không phải là thánh, trong họ luôn có hai mặt tốt- xấu, thiện ác luôn đấu tranh với nhau. Để cán bộ, đảng viên loại bỏ mặt xấu, phát huy mặt tốt phải tạo ra môi trường thuận lợi cho họ rèn luyện, phấn đấu.

³⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 6, tr 479.

Một công việc quan trọng để mỗi cán bộ, đảng viên luôn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình, vững vàng trong mọi điều kiện khác nhau, xứng đáng giữ vị trí tiên phong của cách mạng, họ cần đến sự giúp đỡ, kiểm tra, kiểm soát, quản lý từ phía tổ chức Đảng.

d. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng, chỉnh đốn Đảng càng phải được tiến hành thường xuyên

Trung thành với nguyên tắc Lê nin nít về xây dựng Đảng kiểu mới, Hồ Chí Minh đặc biệt nhạy bén về chính trị, Người đã nhận thấy tính hai mặt của quyền lực. Khi Đảng cầm quyền thì hai mặt đó được biểu hiện rõ nét trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng. Một mặt, quyền lực có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng. Mặt khác, quyền lực cũng có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị thoái hóa, biến chất, đi vào con đường ham muốn quyền lực, chạy theo quyền lực, lợi dụng quyền lực để lạm quyền, lộng quyền, đặc quyền, đặc lợi, biến quyền lực của nhân dân thành quyền lực của cá nhân.v.v.

Nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa môi trường xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội, Hồ Chí Minh đã đưa một nhận định có tính chất chân lý đối với quá trình xây dựng và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Đó là lời cảnh báo đối với nguy cơ của một đảng cầm quyền, nó có ý nghĩa sâu xa đối với mỗi cán bộ, đảng viên nhất là đảng viên cộng sản có chức vụ quyền hạn, giữ các vị trí then chốt trong Đảng và trong nhà nước.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một quy luật, một nhu cầu khách quan trong quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Mục đích của xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao trước nhiệm vụ ngày càng phức tạp của cách mạng.

2.Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

Để huy động được sức mạnh toàn dân thực hiện mục tiêu cách mạng “ trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng ngoài thì liên lạc với dân tộc

bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”³⁸. Muốn vậy, Đảng phải vững, muốn vững “ phải có chủ nghĩa làm cốt”.

Trong huấn luyện cán bộ cách mạng 1927, Người chỉ rõ: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”³⁹. Hồ Chí Minh đã thấy tính cách mạng khoa học trong chủ nghĩa Lê Nin: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê Nin”. Khẳng định như vậy không có nghĩa là phủ nhận chủ nghĩa Mác mà đương nhiên cũng khẳng định chủ nghĩa Mác: Muốn Cách Mạng vô sản thành công phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lê Nin. Đó là học thuyết cách mạng và khoa học chỉ rõ sự diệt vong tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ: Chủ nghĩa Mác-Lê Nin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, làm cho Đảng trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc Việt Nam. Với ý nghĩa đó, Chủ nghĩa Mác- Lê Nin làm “cốt”, trở thành nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tuy lấy Chủ nghĩa Mác Lê Nin làm cốt cho Đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng Hồ Chí Minh lưu ý, khi tiếp nhận và vận dụng Chủ nghĩa Mác Lê Nin không nên giáo điều theo câu chữ mà phải cách tân, sáng tạo. Phải lưu ý:

Một là: Học tập, nghiên cứu, tuyên truyền nâng cao trình độ về Chủ nghĩa Mác Lê Nin phải luôn luôn phù hợp với hoàn cảnh và phù hợp với từng đối tượng.

Hai là, vận dụng Chủ nghĩa Mác Lê Nin phải luôn luôn phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: khi vận dụng chủ nghĩa Mác Lê Nin phải tránh giáo điều, tránh xa rời các nguyên tắc căn bản mà phải học tập vận dụng tinh thần, quan điểm, phương pháp của Chủ nghĩa Mác Lê Nin.

Ba là, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chú ý học tập, kế thừa kinh nghiệm của các Đảng anh em, tổng kết kinh nghiệm của mình bổ sung vào Chủ nghĩa Mác Lê Nin.

³⁸ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 2, tr 267

³⁹ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000 tập 2, tr268.

Bốn là, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải tăng cường đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của Chủ nghĩa Mác Lê Nin. Đó là chống lại các luận điểm sai trái xuyên tạc Chủ nghĩa Mác Lê Nin, chống lại giáo điều, cơ hội, xét lại, phủ nhận Chủ nghĩa Mác Lê Nin.

b. Xây dựng Đảng về chính trị

Xây dựng Đảng về chính trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm nhiều nội dung: xây dựng đường lối chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, bảo vệ chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị... Trong đó đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự sống còn của Đảng. Xây dựng đường lối chính trị là một trong những vấn đề chính yếu của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền, Đảng lãnh đạo xã hội, định hướng cho sự phát triển của xã hội. Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình bằng việc đề ra cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược, phương hướng phát triển kinh tế-xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Muốn có đường lối đúng để định hướng cho sự phát triển xã hội, Đảng phải nắm vững thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin, đánh giá đúng tình hình đất nước, xu hướng thời đại, học tập kinh nghiệm của các Đảng anh em, vận dụng phù hợp vào điều kiện cụ thể của cách mạng ở mỗi giai đoạn cách mạng.

Hồ Chí Minh cũng luôn nhắc nhở Đảng phải thường xuyên giáo dục đường lối chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên, cung cấp thông tin để họ luôn luôn kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị trong mọi hoàn cảnh. Người cũng cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị sẽ gây hậu quả nghiêm trọng đến vận mệnh của Tổ quốc, lợi ích, sinh mệnh chính trị của hàng triệu Đảng viên và nhân dân lao động.

c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

Hệ thống tổ chức của Đảng

Hồ Chí Minh khẳng định sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ tổ chức. Hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Hệ thống đó phải chặt chẽ, có tính tổ chức, kỷ luật cao, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng được thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Sức mạnh của Đảng thể hiện thông qua các tổ chức của mình. Mỗi cấp độ tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng.

Trong các tổ chức của Đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ. Bởi vì, với bản thân Đảng, chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng, trực tiếp

đưa đường lối, nghị quyết của Đảng đến với quần chúng, biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực. Mặt khác, chi bộ là môi trường rèn luyện, tu dưỡng và giám sát đảng viên, nơi thực hiện mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân.

Các nguyên tắc sinh hoạt Đảng:

Nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới đã được Lê Nin xây dựng để phân biệt với các Đảng cơ hội trong quốc tế II. Hồ Chí Minh khẳng định và phát triển các nguyên tắc đó như sau:

Một là, Nguyên tắc tập trung dân chủ

Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc này theo quan điểm của Lê Nin, Người khẳng định đây là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt, bao trùm quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Tập trung và dân chủ là hai mặt của nguyên tắc, có quan hệ khăng khít: Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Người viết: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý”⁴⁰.

Rõ ràng để đạt được dân chủ phải từ hai phía: người chủ trì và người tham gia bàn bạc. Tập trung: Đảng phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức và hành động. “Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người”.

Hai là, Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Đây là nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Hồ Chí Minh đã phân tích nguyên tắc này trong tác phẩm “sửa đổi lối làm việc”.

Tập thể lãnh đạo vì:

Một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của một vấn đề, không thấy hết mọi việc, không hiểu biết mọi chuyện.

Vì vậy cần nhiều người tham gia lãnh đạo vì: nhiều người thì nhiều kiến thức, người hiểu mặt này, người hiểu mặt kia, người hiểu việc này, người hiểu việc khác. Ý nghĩa của việc lãnh đạo tập thể rất đơn giản “Đại bày hơn khôn độc”.

⁴⁰ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 8, tr216.

Cá nhân phụ trách vì: việc gì đã được tập thể bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch đã được định rõ thì cần: giao cho một người phụ trách, nếu giao cho một nhóm thì cũng cần có người phụ trách. Như thế công việc mới chạy, mới tránh dựa dẫm. ý nghĩa cũng đơn giản: nếu không giao cho cá nhân phụ trách thì giống: nhiều sãi không ai đóng cửa chùa.

Hồ Chí Minh đã đi đến kết luận: Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân thì sẽ đi đến tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng hỏng việc. Tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung.

Đây là nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng phải chú ý khắc phục tệ độc đoán, chuyên quyền, đồng thời phải chống dựa dẫm tập thể, không quyết đoán, sợ trách nhiệm.

Ba là, Nguyên tắc tự phê bình và phê bình

Đây là nguyên tắc do Lê Nin nêu ra, đó là nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Hồ Chí Minh gọi là luật phát triển của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, mục đích của tự phê bình và phê bình là làm cho phần tốt trong con người nảy nở như hoa mùa xuân, phần xấu bị mất dần đi để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ.

Sở dĩ phải thực hiện nguyên tắc này vì Đảng từ trong dân lập nên, Đảng bao gồm những người ưu tú nhất, kiên quyết nhất, tiên tiến nhất nhưng trong Đảng cũng không tránh khỏi khuyết điểm, không phải mọi cá nhân đều hoàn thiện mà đều có cái thiện cái ác. Mặc khác những căn bệnh ngoài xã hội cũng ngấm vào Đảng. Do vậy phải thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Người đã chỉ rõ: “Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng, ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình”⁴¹. Mục đích của phê bình và tự phê bình là làm cho Đảng mạnh về chính trị - tư tưởng – tổ chức.

Đề cập tới thái độ, phương pháp phê bình – tự phê bình Hồ Chí Minh chỉ rõ: Phải được tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày, phải kiên quyết, thẳng thắn, không nể nang, phải trung thực, thành khẩn, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Người cũng phê phán hiện tượng bao che, lảng tránh khuyết điểm hoặc dĩ hòa vi quý hoặc lợi dụng phê bình để nói xấu, vuï dập người khác.

⁴¹ Hồ Chí Minh toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 2000, tập 7, tr 492.

Bốn là, Nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh, tự giác.

Sức mạnh vô địch của Đảng là tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức nghiêm minh của cán bộ, đảng viên.

Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng vì: đó là kỷ luật đối với mọi cán bộ, đảng viên, không phân biệt cán bộ lãnh đạo cao hay thấp, hay là cán bộ, đảng viên thường... tất cả đều phải bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, Pháp luật nhà nước.

Tự giác là thuộc về mỗi cán bộ, đảng viên: tuân thủ kỷ luật Đảng cũng phải tự giác, tự giác về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.

Yêu cầu cao nhất của kỷ luật Đảng là chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, các nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt của Đảng. Mỗi đảng viên phải trở thành kiểu mẫu về chấp hành kỷ luật Đảng, kỷ luật của đoàn thể và cơ quan chính quyền nhà nước, có như vậy uy tín của Đảng mới cao, sức mạnh của Đảng mới được tăng cường.

Năm là, Nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Đoàn kết thống nhất trong Đảng không những tăng cường sức mạnh của Đảng mà còn là cơ sở đoàn kết thống nhất trong toàn dân. Đoàn kết trong Đảng dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác Lê Nin, cương lĩnh đường lối, quan điểm và điều lệ Đảng, nghị quyết của tổ chức Đảng các cấp. Đoàn kết thống nhất trong Đảng còn trên cơ sở các nguyên tắc xây dựng Đảng: Mở rộng dân chủ, tập trung, tự phê bình.

Đảng viên phải tu dưỡng đạo đức thường xuyên, chống chủ nghĩa cá nhân. Nhiệm vụ cách mạng càng phát triển thì sự đoàn kết thống nhất ngày càng quan trọng, càng phải được tăng cường.

Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đề ra một hệ thống quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ. Người khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Mọi việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém vì cán bộ là mắt khâu trung gian trong dây chuyền bộ máy, là cầu nối giữa nhà nước, Đảng với dân. Đối với cán bộ của Đảng, Người cho rằng họ phải có cả đức và tài, phẩm chất và năng lực, trong đó phẩm chất, đạo đức là gốc.

Đề cập tới công tác cán bộ của Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung công tác cán bộ có nhiều khâu có quan hệ chặt chẽ với nhau như: tuyển chọn, huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, sắp xếp, thực hiện chính sách cán bộ.

d. Xây dựng Đảng về đạo đức.

Hồ Chí Minh khẳng định: muốn lãnh đạo cách mạng Đảng phải là đạo đức, văn minh. Một Đảng chân chính, cách mạng phải có đạo đức. Vì, đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn nhân dân.

Đạo đức của Đảng thực chất là đạo đức cách mạng, đạo đức Mác xít- Lê nin nít. Đó là đạo đức phản ánh, đấu tranh cho lợi ích của giai cấp công nhân.

Để xây dựng Đảng về đạo đức trong điều kiện Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh chỉ rõ có đạo đức cách mạng trong sáng Đảng ta mới lãnh đạo nhân dân đấu tranh thắng lợi trong cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Muốn Đảng có đạo đức cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Giáo dục đạo đức cách mạng phải gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức nhằm làm cho Đảng thật sự trong sạch.

Trong quá trình xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh đã góp phần bổ xung, mở rộng, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin về nội dung công tác xây dựng Đảng phù hợp với truyền thống văn hóa, đạo đức của các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam.

C. KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:

- + Về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Về bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- + Lý luận về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.
- + Quan niệm xây dựng Đảng về đạo đức.

- Ý nghĩa của việc học tập:

- + Thấy rõ vai trò lãnh đạo không thể thiếu được của Đảng trong cách mạng Việt Nam.
- + Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.
- + Tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt.

+ Có phương hướng phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Phân tích và làm rõ sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; về vai trò của Đảng trong tiến trình cách mạng?

2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp công nhân và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc tổ chức và nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Trong tình hình hiện nay, để xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải chú ý những vấn đề gì?

E. CÁC TÁC PHẨM, BÀI VIẾT, BÀI NÓI CỦA HỒ CHÍ MINH CẦN THAM KHẢO

1. Đường cách mệnh (Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?).

2. Trả lời một nhà báo nước ngoài, Ngày 16/7/1947.

3. Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, tháng 10/1945.

4. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Năm 1969.

CHƯƠNG 5

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Học tập, nghiên cứu chương 2 cần nắm vững những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, nội dung, hình thức tổ chức của đại đoàn kết dân tộc.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết, nội dung, hình thức và nguyên tắc của đoàn kết quốc tế.
- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.
- Liên hệ với công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay.

B. NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a. Đại đoàn kết là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quyết định thành công của cách mạng.

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là đánh đổ các thế lực đế quốc thực dân, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Để đạt được mục tiêu đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: trong thời đại mới chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ; cách mạng muốn đạt mục tiêu phải tập hợp được tất cả các lực lượng, phải xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Đại đoàn kết dân tộc được Hồ Chí Minh xác định là vấn đề chiến lược, cơ bản, nhất quán và xuyên suốt trong tiến trình của cách mạng Việt Nam.

Chiến lược chính là phương châm và kế hoạch có tính chất toàn cục xác định mục tiêu chủ yếu và sự sắp xếp lực lượng trong suốt cả một thời kỳ của cuộc đấu tranh chính trị xã hội.

Như vậy, khi xác định đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa chiến lược quyết định thành công của cách mạng, Hồ Chí Minh đã khẳng định:

Đại đoàn kết dân tộc là chiến lược quy định hệ thống các quan điểm đại đoàn kết, quy định những nguyên tắc đoàn kết, quy định hình thức tập hợp lực lượng toàn dân. Đại đoàn kết toàn dân là chiến lược tập hợp lực lượng.

Trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng, mặc dù có sự điều chỉnh, nhưng đại đoàn kết toàn dân luôn là vấn đề sống còn, thành bại của cách mạng.

Thực tiễn đã chỉ rõ: nhờ có chính sách đại đoàn kết dân tộc do Hồ Chí Minh và Đảng ta xây dựng và thực hiện đã xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, đem đến thành công của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã viết: “*Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã làm cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hoà bình ở Đông Dương, hoàn thành giải phóng miền Bắc. Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân ta đã giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc*”⁴².

Qua thực tiễn đó, Hồ Chí Minh đã khái quát thành những vấn đề có tính chất chân lý: Đoàn kết làm ra sức mạnh. Người đã chỉ rõ: “*Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó*”⁴³; “*Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi*”⁴⁴; “*Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết*”⁴⁵. Bao trùm lên tất cả là luận điểm:

“*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*

Thành công, thành công đại thành công”

Với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, sau thành công của cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh và chính quyền cách mạng đã tiến hành trên thực tế một loạt công việc nhằm củng cố xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; trong đó có những điều mà rất ít cuộc cách mạng xã hội làm được...

b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh đại đoàn kết dân tộc là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng. Điều đó xuất phát từ sự tổng kết lịch sử của dân tộc Việt Nam trong quá

⁴² Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 10, tr 604.

⁴³ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 7, tr 392.

⁴⁴ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 11, tr 22

⁴⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 8, tr 392.

trình chinh phục tự nhiên, trong đấu tranh chống lại sự xâm lược bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tư tưởng đó còn xuất phát từ tình hình mới của Việt Nam khi đứng trước kẻ thù mới hơn chúng ta về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, lại có âm mưu thâm độc, mà nổi bật là thủ đoạn chia để trị.

Hơn nữa, tư tưởng đó còn bắt nguồn mục tiêu to lớn của cách mạng, từ vai trò sáng tạo ra lịch sử của quần chúng nhân dân. Bất kỳ cuộc cách mạng xã hội nào cũng phải tập hợp được quần chúng, tập hợp được sức mạnh cho cách mạng, muốn vậy phải có một chính sách tập hợp lực lượng. Với cách mạng Việt Nam, đoàn kết là một chính sách dân tộc, đó không phải là một thủ đoạn chính trị. Vì lẽ đó đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng Cộng sản Việt Nam, điều đó phải được quán triệt trong đường lối chủ trương, trong hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam tháng 3 năm 1951, Hồ Chí Minh thay mặt Đảng tuyên bố với toàn dân tộc: “ *Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*”⁴⁶.

Đại đoàn kết là mục tiêu của Đảng, mục tiêu đó phải được thể hiện qua nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng qua mỗi thời kỳ. Đảng phải cụ thể hóa mục tiêu thành nhiệm vụ cụ thể để thực hiện tuyên truyền tập thể , vận động tập thể, lãnh đạo tập thể để tạo nên thực lực cho cách mạng. Năm 1963, khi nói chuyện với cán bộ tuyên truyền và huấn luyện miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “ *Trước cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập. Chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích của tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà*”⁴⁷.

Như vậy, đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu của Đảng, nhiệm vụ nổi bật, xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam mà đó còn là nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam có sứ mệnh thức tỉnh quần chúng, biến những đòi hỏi, những nhu cầu khách quan tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành mục tiêu phấn đấu có tổ chức, thành sức mạnh của cách mạng trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc vì hạnh phúc của nhân dân.

⁴⁶ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 6, tr 183.

⁴⁷ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 11, tr 130.

2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc

a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

Hồ Chí Minh chỉ rõ đại đoàn kết dân tộc phải là đoàn kết toàn dân. Điều đó xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, tư tưởng đề cao vai trò của dân đã có trong tư duy chính trị của dân tộc “ nước lấy dân làm gốc”; “ dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”. Tư duy chính trị đúng đắn đó cần được vận dụng và phát huy trong điều kiện mới.

Thứ hai, trong bối cảnh Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, nên xuất hiện nhiều mâu thuẫn: giữa giai cấp nông dân với giai cấp phong kiến, giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản... bao trùm là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp. Do đó các giai cấp, các tầng lớp và toàn thể dân tộc Việt Nam đều có chung nỗi nhục mất nước, muốn giải phóng dân tộc thì phải đoàn kết toàn bộ toàn dân tộc. Mặt khác, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, muốn đem hạnh phúc tới cho mọi người phải biến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội thành ngày hội của quần chúng.

Thực hiện mục tiêu đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh có quan điểm rất rõ ràng, toàn diện, thuyết phục và thu phục lòng người trong quan niệm về Dân và Nhân dân. Khái niệm dân có nội hàm rất rộng, bao quát biên độ rộng nhất trong quan niệm về Dân, Nhân dân. Người quan niệm Dân, Nhân dân là “ mọi con dân đất Việt”; “ mỗi một con Rồng cháu Tiên”. Dân- toàn dân tộc Việt Nam gồm dân tộc đa số, thiểu số; con dân đất Việt sống trên giả đất Việt Nam; dân không phân biệt: giống nòi, gái trai, giàu nghèo, quý tiện, tôn giáo; dân không phải là một lực lượng đồng nhất, họ giữ các vị trí khác nhau trong tiến trình phát triển của xã hội.

Rõ ràng, dân trong quan niệm của Hồ Chí Minh được hiểu với tư cách là một cá nhân đặt trong quan hệ cá nhân-tập thể-xã hội nhưng còn là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân. Đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh có đối tượng rất đa dạng, phong phú, nhiều lực lượng, nhiều cấp độ, nhiều biểu hiện khác nhau... nhưng đều có chung một mục tiêu: độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “*Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài... Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và nhân dân thì ta đoàn kết với họ*”

Đoàn kết rộng rãi, đoàn kết phải dựa trên sự thống nhất về lợi ích mới bền chặt, lâu dài. Muốn như vậy khối đại đoàn kết dân tộc phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân- giai cấp tiên tiến, cách mạng để giải quyết hài hòa các loại lợi ích, đặc biệt là quan hệ lợi ích dân tộc và giai cấp. Có như vậy mới đoàn kết tốt các lực lượng, mới loại bỏ được các lực cản khối đại đoàn kết, mới tạo được sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi mục tiêu của cách mạng qua các giai đoạn.

b. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc

Thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết của dân tộc; đồng thời phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người.

Thực chất quan điểm chỉ rõ muốn đoàn kết toàn dân tập hợp lực lượng, phải có phương pháp. Theo Hồ Chí Minh, muốn đoàn kết toàn dân phải kế thừa và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc, đó là truyền thống yêu nước- nhân nghĩa- đoàn kết. Truyền thống này được hình thành, củng cố, trở thành sức mạnh trường tồn của dân tộc, trở thành phép trị nước của cha ông. Đó là phép ứng xử “ *Tình làng nghĩa nước*”, là quan niệm sống “ *Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*”, là triết lý nhân sinh “ *Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao*”... truyền thống đó thấm vào suy nghĩ, tình cảm, hành động của người Việt Nam, kết tinh thành sức mạnh của người Việt Nam từ thời các Vua Hùng dựng nước đến Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh vô địch của dân tộc Việt Nam để chống lại thiên tai, địch họa để tồn tại và phát triển.

Đoàn kết dân tộc muốn bền vững, lâu dài phải có lòng khoan dung độ lượng với con người. Hồ Chí Minh quan niệm: Trong mỗi con người, cũng như mỗi cộng đồng đều có những ưu điểm, khuyết điểm, có mặt tốt mặt xấu, có phần thiện, phần ác...cho nên trong quá trình đoàn kết dân tộc phải đặt lợi ích cách mạng, lợi ích dân tộc lên trên hết, trước hết, phải có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần tốt, phần thiện ở mỗi con người, tìm cái đồng nhất trong cái dị biệt để quy tụ, vận động, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng. Người từng chỉ rõ: “ *Sông to, biển rộng thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ. Người mà tự kiêu, tự mãn cũng như cái chén, cái đĩa cạn*”⁴⁸. Hình tượng bàn tay được Người sử dụng để chỉ

⁴⁸ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 5, tr 644.

sự đa dạng trong khối đại đoàn kết, cội nguồn và sự cần thiết phải đoàn kết dân tộc. Người cho rằng: *“Trong mấy triệu người cũng có người thế này hay thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”*⁴⁹.

Lòng khoan dung độ lượng ở Hồ Chí Minh không phải là sách lược, một thủ đoạn nhất thời mà là một chính sách dân tộc, một tư tưởng nhất quán, xuyên suốt đối với cách mạng Việt Nam. Biên độ đoàn kết rất rộng rãi với chính sách cởi mở: *“Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”*⁵⁰. Hồ Chí Minh kêu gọi và thực hiện đoàn kết với tất cả các giai cấp, tầng lớp, các tín ngưỡng tôn giáo, các chính kiến, không phân biệt trước đây đã từng ở phe nào nếu còn lòng yêu nước hãy đoàn kết vì dân, vì nước. Đoàn kết toàn dân phải thật thà, chân thành, xóa bỏ mọi thành kiến, phải giúp nhau cùng tiến bộ. Trong thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã chân thành vận động, lôi kéo, cảm hóa, tập hợp lực lượng đoàn kết dân tộc, Người tập hợp vào khối đại đoàn kết những người vốn là quan lại của chế độ cũ như: Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, Khâm sai đại thần Phan Kế Toại... tạo điều kiện cho họ có đóng góp cho kháng chiến, kiến quốc của dân tộc.

Thực hành đoàn kết dân tộc cần có niềm tin vào nhân dân. Yêu dân, tin dân, dựa vào dân, sống đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân là nguyên tắc tối cao. Nguyên tắc này vừa là sự tiếp biến truyền thống dân tộc, vừa là sự nhất quán với quan điểm của chủ nghĩa Mác-lê nin. Truyền thống của dân tộc chỉ rõ “Nước lấy dân làm gốc”, “chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”, đó là chân lý “Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”. Nguyên tắc cũng xuất phát từ quan điểm: quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lê nin. Theo Hồ Chí Minh: dân là gốc rễ, là nền tảng của đại đoàn kết, dân là nguồn sức mạnh vô địch, vô tận của đại đoàn kết. dân là chỗ

⁴⁹ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 4, tr 246-247.

⁵⁰ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 7, tr 438.

⁶² Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 7, tr 438.

dựa vững chắc của Đảng ta. Trong bài Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên-Việt toàn quốc, năm 1955, Người khẳng định: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền tảng của đại đoàn kết. nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”⁵¹.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất

Chủ nghĩa Mác-Lê nin đã từng khẳng định: vũ khí phê phán không thể thay thế bằng phê phán vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể đánh đổ bằng lực lượng vật chất. Trên quan điểm đó, khi bàn về hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh quan niệm đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở lời kêu gọi mà phải biến thành chiến lược cách mạng, phải trở thành hành động cách mạng của Đảng, của toàn dân tộc. Sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc chỉ có thể phát huy được khi có tổ chức. Hình thức tổ chức là nơi quy tụ các bộ phận nhân dân, nơi tập trung sức mạnh của cả dân tộc. Tổ chức đó chính là Mặt trận dân tộc thống nhất. Sức mạnh của lòng yêu nước và tinh thần dân tộc chỉ có thể trở thành sức mạnh vô địch khi được tổ chức thành một khối vững chắc. Thực tiễn lịch sử của các phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước khi có Đảng lãnh đạo là minh chứng cho sự cần thiết phải có hình thức tổ chức cho khối đại đoàn kết dân tộc.

Ở một phương diện nhất định, có thể khẳng định quá trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh cũng là quá trình tìm kiếm mô hình và phương pháp tổ chức quần chúng nhân dân, nhằm tạo ra sức mạnh cho mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Chính vì thế, ngay sau khi tìm thấy con đường cứu nước Hồ Chí Minh đã rất chú ý quan tâm đến việc đưa quần chúng nhân dân vào những tổ chức phù hợp. Đó là các tổ chức như: Hội ái hữu, Tương trợ, Công hội hoặc Nông hội, Đoàn thanh niên hoặc Hội phụ nữ, Thiếu niên, Nhi đồng, Phụ lão, Hội Phật giáo cứu quốc hoặc Công giáo yêu nước hay những nghiệp đoàn... nhưng bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ các giai cấp, tầng lớp, các tôn giáo, các lứa tuổi, các dân tộc, nơi quy tụ người Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước... nếu còn hướng về quê hương đất nước, còn coi mình là con cháu Lạc Hồng, thì đều được coi là thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất.

Sự hình thành, vận động và phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất tùy theo thời kỳ, giai đoạn cách mạng, căn cứ vào nhiệm vụ, yêu cầu cách mạng mà có những biểu hiện khác nhau, tên gọi khác nhau. Mặt trận dân tộc thống nhất có các tên gọi qua các thời kỳ như sau: Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1946), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976). Dù tên gọi có khác nhau nhưng thực chất các tổ chức đó là tổ chức chính trị- xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam đấu tranh cho mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Một là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh. Nguyên tắc này khác với tư tưởng đoàn kết, tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước Việt Nam trước đó. Đoàn kết không chỉ dựa trên tình cảm “ người chung một nước phải thương nhau cùng” mà phải được xây dựng trên cơ sở vững chắc đó là lý luận và lợi ích tương đồng.

Người chỉ rõ: “ *Lực lượng chủ yếu trong khối đại đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất*”⁵². lấy liên minh công nông làm nòng cốt vì: họ là người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội tồn tại, họ là lực lượng đông đảo nhất mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, hơn nữa họ là người có chí khí cách mạng chắc chắn, bền bỉ hơn các giai cấp khác. Khi lấy liên minh công nông làm nòng cốt, Hồ Chí Minh cũng lưu ý phải mở rộng khối đại đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp khác, nhất là đội ngũ trí thức. Vì: “*trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây xã hội chủ nghĩa, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và công, nông, trí cần đoàn kết chặt chẽ thành một khối*”. Mặt trận dân tộc thống nhất và liên minh công-nông- trí luôn được Hồ Chí Minh xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp và dân tộc. Mặt trận dân tộc thống nhất càng được mở rộng thì sức mạnh của liên minh công-nông- trí càng được

⁵²Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 10, tr 18..

tăng cường và ngược lại, liên minh công- nông- trí thức càng được tăng cường thì Mặt trận dân tộc càng vững chắc, trở thành một tổ chức có sức mạnh vô song.

Đại đoàn kết là công việc của toàn dân tộc, đoàn kết tăng cường sức mạnh của dân tộc nhưng sức mạnh đó chỉ có thể được củng cố và phát triển khi có sự định hướng, dẫn dắt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng với Mặt trận vừa là một nguyên tắc vừa là một tất yếu. Vai trò sáng tạo ra lịch sử của quần chúng nhân dân chỉ có thể được nhìn nhận và phát huy tối đa khi được một đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn dẫn dắt. Mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận là mối quan hệ máu thịt: Không có mặt trận, Đảng không có lực lượng để thực hiện nhiệm vụ lịch sử mà dân tộc giao phó, Không có sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận không hình thành, phát triển, không có chính sách đúng đắn qua từng giai đoạn cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên của Mặt trận, vừa là hạt nhân lãnh đạo của mặt trận.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận là tất yếu, nhưng để lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ lịch sử thì Đảng phải trung thành nhất, hoạt động nhất, chân thực nhất. Đảng phải thể hiện rõ năng lực nắm bắt thực tiễn, nhận thức và vận dụng đúng các quy luật khách quan của lịch sử, hiểu rõ tiềm năng mọi mặt của khối đại đoàn kết dân tộc để xây dựng đường lối, chiến lược sách lược phù hợp, lãnh đạo Mặt trận thực hiện thành công các nhiệm vụ cách mạng. Đảng phải trung thành với mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ngoài lợi ích của giai cấp, dân tộc Đảng không có lợi ích nào khác. Các đảng viên của Đảng phải là trung tâm đoàn kết trong khối đại đoàn kết dân tộc, họ phải là những người tiên phong gương mẫu trong các nhiệm vụ của Mặt trận.

Đảng lãnh đạo, nhưng dân là chủ. Để lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải tiến hành các công việc sau:

Trên cơ sở đường lối chủ trương của, chiến lược, sách lược Đảng phải xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của đại đa số nhân dân. Người từng khẳng định: “ *Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng*”⁵³. Trong quá trình lãnh đạo Mặt trận Đảng phải dùng phương pháp vận động, thuyết phục, giáo dục, nêu gương lấy lòng chân thành để đối xử, cảm hóa. Mọi biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, gò ép, lấy quyền uy của mình để buộc các thành viên khác

trong Mặt trận phải tuân theo sẽ làm giảm uy tín của Đảng, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng phải khơi dậy tinh thần tự nguyện tự giác của nhân dân để phát huy sức mạnh trong Mặt trận. Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ về công tác Mặt trận: *“Phải thành thật lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao, tự đại, cho mình là tài giỏi hơn người; trái lại phải học hỏi điều hay, điều tốt ở mọi người... phải tích cực và chủ động... làm việc phải kiên nhẫn, phải thiết tha với công tác Mặt trận. Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều”*.⁵⁴

Một điều kiện không kém phần quan trọng để Đảng lãnh đạo Mặt trận là trong Đảng cán bộ, đảng viên phải thật sự đoàn kết nhất trí. Sự đoàn kết nhất trí không chỉ là nguyên tắc xây dựng Đảng mà còn là tấm gương cho sự đoàn kết trong mặt trận.

Hai là, Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

Ngay từ năm 1925, khi nói về chiến lược đại đoàn kết, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: đoàn kết chỉ thực hiện khi có chung mục đích, số phận. Nếu không suy nghĩ như nhau, nếu không có chung mục đích, số phận thì dù có kêu gọi đoàn kết như thế nào chẳng nữa vẫn không thể có đoàn kết.

Mục đích chung của Mặt trận được Hồ Chí Minh xác định phù hợp ở từng giai đoạn cách mạng nhằm tập hợp lực lượng cao nhất ở mức có thể vào khối đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết phải dựa trên cơ sở thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với quyền của nhân dân lao động và quyền thiêng liêng của con người. Thực chất đó là kết tinh trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc giải quyết mối quan hệ biện chứng lợi ích giai cấp- dân tộc- nhân loại. Điều đó cũng chỉ rõ Mặt trận có đoàn kết được đa số quần chúng nhân dân hay không và đoàn kết đến đâu phải trên cơ sở lợi ích. Hồ Chí Minh chỉ rõ độc lập tự do là nguyên tắc bất di bất dịch, là nguyên tắc cao nhất, là mẫu số chung của các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, các đảng phái trong Mặt trận. Nguyên tắc tối cao đó phải được chuyển hóa như thế nào để tất cả các lực lượng tham gia vào Mặt trận phải đặt nguyên tắc đó lên trên hết, trước hết. Lợi ích của dân tộc thực hiện được thì lợi ích của các môi bộ phận, mỗi người mới thực hiện được.

⁵⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 10, tr 606-607.

⁵⁶ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 8, tr 214.

Lợi ích tối cao của dân tộc cũng như những quyền lợi của các tầng lớp nhân dân được Hồ Chí Minh kết tinh vào tiêu chí của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là độc lập tự do hạnh phúc. Những tiêu chí này được Đảng và Hồ Chủ tịch cụ thể hóa trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội... trong quá trình xây dựng xã hội mới.

Ba là, Mặt trận dân tộc thống nhất hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ đòi hỏi tất cả các vấn đề của Mặt trận phải được đem ra để tất cả các thành viên cùng bàn bạc công khai, đi đến nhất trí, loại trừ áp đặt hoặc dân chủ hình thức. Đảm bảo thấu tình đạt lý. Đảng là lực lượng lãnh đạo Mặt trận nhưng đồng thời cũng là thành viên của Mặt trận.

Đây là nguyên tắc phải được tiến hành để đảm bảo cho hoạt động của Mặt trận. Phải thực hiện nguyên tắc này vì Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị- xã hội rộng lớn của cả dân tộc. Trong Mặt trận có nhiều lực lượng tham gia, bao gồm các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo khác nhau với sự đa dạng các loại lợi ích không thống nhất. Lợi ích trong Mặt trận đa dạng gồm: lợi ích cá nhân- lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân- tập thể- xã hội, lợi ích gia đình- xã hội, lợi ích dân tộc-giai cấp –quốc tế. Từ sự đa dạng về lợi ích đó yêu cầu cần giải quyết phù hợp các loại lợi ích: lợi ích dân tộc, quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động, quyền lợi cá nhân...

Yêu cầu của nguyên tắc này: Đảng phải trình bày tất cả chủ trương, chính sách của mình trước Mặt trận, cùng với các thành viên khác của Mặt trận bàn bạc, hiệp thương dân chủ để tìm kiếm các giải pháp tích cực và thống nhất hành động, hướng phong trào của quần chúng thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

Thực hiện nguyên tắc này phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, giai cấp tiên tiến đại diện cho quyền lợi, lợi ích dân tộc, có lợi ích phù hợp với lợi ích của nhân dân lao động và cả dân tộc, giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đứng trên lập trường giai cấp công nhân mới có thể giải quyết hài hòa các loại lợi ích... Muốn vậy, phải làm cho mọi thành viên trong Mặt trận thấm nhuần lợi ích chung, lợi ích tối cao của dân tộc, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, trước hết, tập trung giải quyết lợi ích của dân tộc rồi mới từng bước giải quyết các loại lợi ích khác. Điều cần lưu ý những lợi ích riêng chính đáng, phù hợp với lợi ích chung của dân tộc phải được tôn trọng. Những lợi ích bộ phận không phù hợp sẽ dần dần được giải quyết cùng với tiến trình chung của cách mạng, thông qua lợi ích chung, với sự

nhận thức ngày càng đúng đắn hơn của mỗi người, mỗi bộ phận về mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.

Giải quyết đúng đắn các loại lợi ích trong Mặt trận dân tộc thống nhất sẽ góp phần củng cố, tăng cường sự bền chặt, tạo nên sự đồng thuận để thực hiện mục tiêu: *“Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”*⁵⁵

Bốn là, Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp nhau cùng tiến bộ.

Mặt trận dân tộc thống nhất là một tập hợp nhiều giai tầng, tôn giáo, đảng phái, đoàn kết trên cơ sở những điểm tương đồng. Đó là mẫu số chung để giải quyết các loại lợi ích, nhưng bên cạnh đó vẫn có những điểm khác biệt cần phải tiếp tục bàn bạc, hiệp thương dân chủ để thu hẹp dần khoảng cách, tạo nên sự thống nhất, đoàn kết. Hồ Chí Minh nhấn mạnh “câu đồng tồn dị” lấy cái chung của dân tộc là cùng nguồn cội “đồng bào”, cái chung trong tình cảm là yêu nước, có cùng chung kẻ thù là thực dân xâm lược, có chung khát vọng giành độc lập dân tộc, có chung tín ngưỡng tôn giáo và cao nhất lợi ích dân tộc, Tổ quốc lên trên hết, trước hết để hạn chế cái riêng, cái khác biệt. Người chỉ rõ phương pháp đoàn kết: “ Đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết”. Người yêu cầu mọi người cần khắc phục tình trạng đoàn kết xuôi chiều, khắc phục thiên kiến, hẹp hòi ích kỷ, thiên cận trong thực hiện mục tiêu đoàn kết. Đồng thời trong quá trình đoàn kết phải có lòng nhân ái, khoan dung độ lượng, nêu cao tự phê bình và phê bình, biểu dương mặt tốt, khắc phục mặt xấu. Người khẳng định: *“Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học hỏi những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Tóm lại, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì toàn dân cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thật sự và cùng nhau tiến bộ”*⁵⁶.

Trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng ta luôn đấu tranh chống những biểu hiện cô lập, hẹp hòi, coi nhẹ việc thu hút mọi lực lượng có thể vào Mặt trận; mặt khác Đảng ta cũng đề phòng và chống các biểu hiện đoàn kết một chiều, vô nguyên tắc, đoàn kết mà không đấu tranh đúng mức trong hoạt động của Mặt trận.

⁵⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 3, tr 206.

⁵⁸ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 9, tr 137.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

1. Vai trò của đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam

Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng là một trong những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây cũng là một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất, mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước đã đặt niềm tin vào sức mạnh dân tộc. Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là sức mạnh tổng hợp từ các yếu tố vật chất và tinh thần, nhưng trước hết sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, sức mạnh đó kết hợp với tinh thần dân tộc trở thành động lực to lớn của đất nước. Đó còn là sức mạnh của tinh thần đoàn kết xuất phát từ ý thức về chủ quyền của một quốc gia độc lập... sức mạnh đó giúp cho dân tộc ta chiến thắng được thiên tai, địch họa trong quá trình dựng nước và giữ nước. Là một nhà yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh luôn có niềm tin vào sức mạnh trường tồn của dân tộc, ngay cả trong những năm tháng đen tối của cách mạng. Tin vào sức mạnh dân tộc nhưng Người cũng nhận thức rõ về bối cảnh trong nước: người chỉ rõ một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX là chưa liên kết được với lực lượng tiến bộ bên ngoài, các phong trào đầu thế kỷ XX bắt đầu có sự hướng ra bên ngoài nhưng mang tư tưởng cầu viện, nhận thức bạn thù chưa rõ.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, với hoạt động thực tiễn phong phú, với phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin, từng bước Hồ Chí Minh phát hiện ra sức mạnh tiềm ẩn của thời đại sau thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, mà cách mạng Việt Nam cần tranh thủ.

Khi tìm thấy con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, do vậy muốn thắng lợi cách mạng Việt Nam phải đoàn kết với các lực lượng cách mạng trên thế giới. Trong sự phát triển và thắng lợi của cách mạng Việt Nam, tư tưởng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới đã được Hồ Chí Minh phát triển và xây dựng trên thực tiễn ngày càng đầy đủ hơn.

Đối tượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất đa dạng nhưng đều có một mục tiêu là tăng cường sức mạnh cho cách mạng Việt Nam. Lực lượng đoàn kết đầu tiên là các dân tộc cùng chung số phận thuộc địa, đó là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước đế quốc và ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung; đoàn kết với nước Nga xô viết, với Liên Xô và mở rộng ra tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; đoàn kết với phong trào tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ. Trong các đối tượng đoàn kết đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới xây dựng khối đoàn kết trên bán đảo Đông Dương với hai nước cùng cảnh ngộ là Lào và Cam Pu Chia trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược, nhằm giành độc lập tự do cho mỗi dân tộc và phát triển của mỗi quốc gia.

Vai trò của đoàn kết quốc tế đối với cách mạng Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định: *“Có sức mạnh cả nước một lòng... lại có sự ủng hộ của nhân dân thế giới, chúng ta sẽ có một sức mạnh tổng hợp cộng với phương pháp cách mạng thích hợp, nhất định cách mạng nước ta sẽ đi đến đích cuối cùng”*⁵⁷.

Rõ ràng, theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế thực chất là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tăng cường sức mạnh cho cách mạng Việt Nam. Trong mối quan hệ đó đại đoàn kết dân tộc là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế, đoàn kết quốc tế làm tăng sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Nếu đại đoàn kết dân tộc là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thì đoàn kết quốc tế là nhân tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng thế giới

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng thực hiện đoàn kết quốc tế không phải chỉ vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà còn vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vì các mục tiêu của thời đại.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động chính trị là thời đại với những đặc điểm của nó đã chấm dứt thời kỳ biệt lập giữa quốc gia, mở ra các quan hệ sâu rộng cho các dân tộc, là thời đại mà vận mệnh của mỗi dân tộc không thể tách rời vận mệnh chung của loài người.

⁵⁷ Theo Hà Bình Nương: “Trái tim nhân ái”, Tạp chí Nhà văn của Hội Nhà văn Việt Nam, số 3-2000, tr20.

Nắm vững đặc điểm thời đại, với hoạt động không mệt mỏi của mình Hồ Chí Minh đã phá vỡ thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Quá trình đó Hồ Chí Minh luôn gắn việc phát huy triệt để sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước với tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do cho dân tộc mình mà còn kiên trì đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh vì mục tiêu của nhân loại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng phải lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh: chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II, Người khẳng định: *“Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế”*⁵⁸. Năm 1954, trong tác phẩm Thường thức chính trị, Người chỉ rõ: *“Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình. Tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước ta... Đó là lập trường quốc tế cách mạng”*⁵⁹

Muốn tăng cường đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chung, theo Hồ Chí Minh, các đảng Cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa vị kỷ, chủ nghĩa sô vanh... phải chống những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất của các lực lượng cách mạng thế giới.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam của hơn tám mươi năm qua là thắng lợi của tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của việc kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước đã được bổ xung thêm những yếu tố mới trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhờ gương cao ngọan cờ chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã tạo nên sự đồng tình ủng hộ quốc tế, huy động được sức mạnh của các trào lưu cách mạng của thời đại, làm cho sức mạnh của dân tộc được nhân lên gấp bội, chiến thắng được những kẻ thù to lớn, thực hiện được mục tiêu được mục tiêu cách mạng.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực

⁵⁸ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 6, tr 172.

⁷¹ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 7, tr 227-228.

hiên thắng lợi các mục tiêu của dân tộc và thời đại. Công lao to lớn của Hồ Chí Minh là đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng thế giới.

2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

Các lực lượng đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú nhưng tập trung chủ yếu vào ba lực lượng: phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình, dân chủ trên thế giới, trước hết là phong trào chống chiến tranh của nhân dân các nước đang xâm lược Việt Nam.

Với phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của khối đoàn kết giai cấp công nhân quốc tế, cho rằng đó là đảm bảo vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Năm 1920, tại Đại hội Tua của Đảng xã hội Pháp, Hồ Chí Minh lên tiếng: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi”⁶⁰. Khi tiếp nhận học thuyết của Lê nin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy sức mạnh của lực lượng tinh thần to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc- “cảm nang thần kỳ” cho sự giải phóng các dân tộc bị áp bức, nô dịch. Trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, đó là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là Quốc tế III sau này là Cục Thông tin quốc tế. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh cũng tìm thấy sức mạnh và chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Từ khi nhận thấy các lực lượng cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh đã giành nhiều thời gian, tâm lực phần đầu không mệt mỏi cho việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết thống nhất trong phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế.

Chủ trương đoàn kết giai cấp vô sản, đoàn kết giữa các Đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân- giai cấp có sứ mệnh lịch sử toàn thế giới, từ vai trò của đảng Cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế còn xuất phát từ phía kẻ thù của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa tư bản là một lực lượng quốc tế, là kẻ thù của giai cấp

⁶⁰ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 1, tr 23-24

công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới. Trong điều kiện đó, để chống lại chủ nghĩa đế quốc thì chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự liên minh theo tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em” mới có thể đem lại sự thắng lợi cho cách mạng thế giới. Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt Nam không thể tách rời sự đồng tình ủng hộ, sự chi viện lớn lao, chí tình Liên Xô, của các nước Xã hội chủ nghĩa cùng các đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới. Năm tháng qua đi, lịch sử có thể đổi thay nhưng sự ủng hộ về tinh thần và vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng Cộng sản và công nhân quốc tế với cách mạng Việt Nam là không thể phủ nhận.

Với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, từ rất sớm Hồ Chí Minh đã nhận thấy nguyên nhân thất bại của phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa họ chưa hiểu biết lẫn nhau, còn có sự biệt lập, tách rời. Các dân tộc thuộc địa cũng không thấy được âm mưu chia rẽ các dân tộc của chủ nghĩa đế quốc nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ nhận thức đó, Hồ Chí Minh đã kiến nghị Ban phương Đông quốc tế Cộng sản có những biện pháp nhằm “*làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn tách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản*”⁶¹. Hơn nữa để tăng cường đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc, Hồ Chí Minh còn đề nghị Quốc tế Cộng sản “*Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này mới đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng*”⁶². Người khẳng định, đứng trước chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của giai cấp vô sản ở chính quốc và thuộc địa là thống nhất với nhau.

Với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý.

Đây là một lực lượng đấu tranh vì sự tiến bộ của nhân loại, là một lực lượng mà Hồ Chí Minh tìm mọi cách để đoàn kết. Trong xu thế của thời đại, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập tự do ở Việt Nam với mục tiêu vì hòa bình, tự do, công lý, bình đẳng trên thế

⁶¹ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 2, tr 124.

⁶⁴ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 2, tr 124.

⁶⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 5, tr 30.

giới để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ vì mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Đoàn kết với các lực lượng này cũng thể hiện tính nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đấu tranh giải phóng con người.

Thực hiện tư tưởng đó, sau ngày Việt Nam độc lập, Hồ Chủ tịch đã thay mặt chính phủ nhiều lần tuyên bố: *“Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để gìn giữ hòa bình”*⁶³. *“Thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè”*⁶⁴. Để thực hiện đoàn kết với các lực lượng đó, bên cạnh ngoại giao nhà nước, Hồ Chí Minh thực hiện đẩy mạnh ngoại giao nhân dân, cho đại diện các tổ chức của nhân dân tiếp xúc, hợp tác với các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội của khu vực và trên thế giới.

Đoàn kết với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh đã khơi dậy lương tri của loài người tiến bộ, tạo nên tiếng nói ủng hộ của các tổ chức tiến bộ trên thế giới vì sự nghiệp đấu tranh của cách mạng Việt Nam. Rất hiếm những cuộc đấu tranh trên thế giới vì độc lập dân tộc nhận được sự ủng hộ rộng rãi và to lớn như cuộc đấu tranh ở Việt Nam. Đã nhiều lần Hồ Chí Minh khẳng định: Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức mà Đảng ta đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang như ngày nay.

b. Hình thức tổ chức

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một vấn đề sách lược, một thủ đoạn chính trị nhất thời mà là vấn đề có tính nguyên tắc, một đòi hỏi khách quan của Việt Nam trong thời đại mới.

Việc xác định hình thức đoàn kết quốc tế được Hồ chí Minh dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý- chính trị và tính chất chính trị- xã hội trong khu vực và trên thế giới. Hình thức đoàn kết quốc tế còn dựa trên cơ sở tình hình và nhiệm vụ cách mạng của Việt Nam qua mỗi thời kỳ. Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các trào lưu cách mạng thời đại nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

⁶⁴ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 5, tr 136.

⁷⁷ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 1, tr 282.

Ngay từ năm 1924, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm thành lập “ Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa chống đế quốc”, Người cũng kiến nghị Quốc tế Cộng sản cần có biện pháp cụ thể về vấn đề đó, đến Đại hội VI (năm 1928) quan điểm trên thành hiện thực.

Với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, Hồ Chí Minh có sự quan tâm đặc biệt. Ba dân tộc đều là láng giềng gần gũi của nhau, có sự tương đồng về lịch sử văn hóa, cùng chung một kẻ thù xâm lược là thực dân Pháp. Để khơi dậy quyền tự quyết và sức mạnh của mỗi dân tộc, Năm 1941, Người quyết định thành lập Mặt trận độc lập đồng minh riêng biệt cho Việt Nam, Lào, Cao Miên và tiến tới thành lập Đông Dương độc lập đồng minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh chủ trương, chỉ đạo việc hình thành Mặt trận đoàn kết Việt- Miên- Lào (Mặt trận nhân dân ba nước Đông Dương) phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau kháng chiến giành thắng lợi.

Mở rộng quan hệ với các nước láng giềng, Hồ Chí Minh chăm lo củng cố mối quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với Trung Quốc với tinh thần “vừa là đồng chí, vừa là anh em”, nước có quan hệ lịch sử văn hóa lâu đời với Việt Nam.

Với các nước trong khu vực, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác, để tranh thủ sự giúp đỡ trong sự nghiệp cách mạng. Mở rộng quan hệ với các nước châu Á, Người chỉ rõ: Vận mệnh các dân tộc châu Á liên quan chặt chẽ với nhau, liên quan đến vận mệnh của dân tộc Việt Nam. Các nước châu Á độc lập thì nền hòa bình thế giới được thực hiện.

Với các nước châu Phi cùng chung mục tiêu đấu tranh giành độc lập, cùng chung số phận là các dân tộc thuộc địa. Từ việc xác định đối tượng đoàn kết, nên từ những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với việc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa tại Pháp, Hồ Chí Minh đã tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Trung Quốc. Các tổ chức trên là hình thức sơ khai của mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức theo xu hướng vô sản- lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Với việc tham gia sáng lập các tổ chức này Hồ Chí Minh đã góp phần đặt cơ sở cho sự ra đời của Mặt trận nhân dân Á- Phi đoàn kết với Việt Nam.

Ngay từ những năm đầu đấu tranh giành độc lập, Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách xây dựng quan hệ với Mặt trận dân chủ và lực lượng Đồng minh chống phát xít, nhằm tạo thế dựa cho cách mạng Việt Nam. Bằng hoạt động ngoại giao không mệt mỏi, trong hai cuộc

kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Hồ Chí Minh đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tranh thủ các lực lượng tiến bộ, cách mạng trên thế giới hình thành Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

Tư tưởng và hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt-Miên-Lào; Mặt trận nhân dân Á- Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Sự hình thành và hoạt động của các mặt trận trên là minh chứng cho sự phát triển và thắng lợi của tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý có tình

Đoàn kết quốc tế cũng như xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải dựa trên cơ sở vững chắc, phải tìm được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Đó là vấn đề nguyên tắc, có tính cốt tử trong quá trình tập hợp lực lượng. Đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại, kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới, nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp chung của loại người tiến bộ, đã giúp Hồ Chí Minh phát hiện ra được điểm xuất phát của sự đoàn kết quốc tế.

Với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lê nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Là một người cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất giữa các lực lượng cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế- lực lượng tiên phong, chủ yếu của cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đoàn kết giữa các Đảng có một vai trò quan trọng trong khối đoàn kết. Người đã chỉ rõ, đoàn kết giữa các Đảng “là điều kiện quan trọng nhất để đảm bảo cho phong trào cộng sản và công nhân toàn thắng trong cuộc đấu tranh vĩ đại cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người”⁶⁵. Muốn đoàn kết giữa các Đảng, phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

⁶⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 10, tr 235.

Hồ Chí Minh chỉ rõ trong quá trình đoàn kết với phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế phải đoàn kết trên cơ sở có, lý có tình.

Có lý, trước hết phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, đó là nền tảng của đoàn kết. Phải xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. Tuy nhiên cũng phải lưu ý việc trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê nin đòi hỏi phải nhận thức và vận dụng sáng tạo, có hiệu quả vào hoạt động thực tế của mỗi nước, mỗi Đảng, tránh giáo điều.

Có tình, là các Đảng phải có sự thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người có cùng chung lý tưởng, cùng chung mục tiêu đấu tranh; phải khắc phục tư tưởng sô vanh, Đảng lớn, nước lớn, không áp đặt, ức chế, nói xấu, công khai công kích lẫn nhau hoặc dùng các giải pháp về chính trị, kinh tế... gây sức ép với nhau. “có tình” đòi hỏi trong mọi vấn đề phải chờ đợi nhau cùng nhận thức, cùng hành động vì lợi ích chung. Lợi ích của mỗi Đảng, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc phải được các Đảng tôn trọng, song lợi ích đó không được phương hại đến lợi ích của các Đảng khác, quốc gia khác và lợi ích chung.

Có lý, có tình vừa thể hiện tính nguyên tắc vừa thể hiện chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Độc lập, tự do cho mỗi dân tộc là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt, được Hồ Chí Minh coi đó là chân lý, là “lẽ phải không ai chối cãi được”. Suốt đời đấu tranh cho độc lập tự do cho dân tộc mình, Hồ Chí Minh cũng đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác trên thế giới. Tư tưởng này được thể hiện trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng Lào, Cam Pu chia, Trung Quốc cũng như các quốc gia dân tộc khác trên thế giới. Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm nhất quán, xuyên suốt: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của các quốc gia, dân tộc trên thế giới đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc thực hiện các nguyên tắc đó trong quan hệ hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

Những quan điểm trên được Hồ Chí Minh cụ thể hóa bằng đường lối ngoại giao của Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc. Năm 1947, khi trả lời phỏng vấn nhà báo Mỹ

S. Êli Mây si, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “*làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*”⁶⁶.

Thời đại mà Hồ Chí Minh sống là thời đại bão táp của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên hầu hết các châu lục trên thế giới. Trong phong trào đó, Hồ Chí Minh không chỉ là nhà tổ chức, người cổ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cho cuộc đấu tranh vì quyền cơ bản của các dân tộc. Nêu cao tư tưởng độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người đi đầu và là hiện thân những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của dân tộc mình đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, thực hiện đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới với Việt Nam vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hòa bình trong công lý công lý.

Bắt nguồn từ truyền thống hòa hiếu của dân tộc Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn mà nhân loại đạt được, Hồ Chí Minh luôn gương cao ngọn cờ hòa bình, chống chiến tranh xâm lược. Người luôn phấn đấu vì một nền hòa bình thật sự cho tất cả các dân tộc- “hòa bình trong độc lập tự do”⁶⁷.

Gương cao ngọn cờ hòa bình và bảo vệ hòa bình là tư tưởng bất di bất dịch của Hồ Chí Minh. Nền hòa bình mà Hồ Chí Minh phấn đấu không phải là một nền hòa bình trù tượng, mà là một nền hòa bình “*chân chính xây dựng trên công bình và lý tưởng dân chủ*”⁶⁸, chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của mỗi quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến quan điểm hòa bình trong công lý, phấn đấu hòa bình trong sự tôn trọng độc lập thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh đã làm rung động trái tim nhân loại. Quan điểm đó đã cảm hóa, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Phong trào ủng hộ Việt Nam đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, bao gồm cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt Nam chống xâm lược., góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

⁶⁶Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 5, tr 220.

⁶⁷ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 12, tr 109

⁶⁸ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 4, tr 66

Vai trò và những công hiến của Hồ Chí Minh trong hoạt động tập hợp lực lượng cách mạng xây dựng khối đại đoàn kết đã được đánh giá rất cao. Nguyên Chủ tịch Hội đồng hòa bình thế giới Rômét Chandra khẳng định: *“Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập, tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình công lý, ở đó có ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao”*⁶⁹.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

Mục đích của đoàn kết quốc tế là để tăng cường sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế, nhằm tăng thêm sức mạnh nội lực để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng. Để đoàn kết quốc tế tốt, phải có nội lực mạnh. Sức mạnh nội lực là nhân tố quyết định, sức mạnh ngoại lực có vai trò rất quan trọng nhưng nó chỉ có thể phát huy tác dụng khi sức mạnh đó gia nhập vào nguồn nội lực. Từ mối quan hệ đó mà trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: *“Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”*, muốn người ta giúp cho, thì trước hết mình phải tự mình giúp lấy mình đã. Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong quá trình cách mạng Việt Nam. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương ở Việt Nam và kêu gọi các dân tộc thuộc địa *“đem sức ta mà giải phóng cho ta”*. Trong kháng chiến chống Pháp, Người chỉ rõ: *“Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”*⁷⁰. Quan điểm đó của Người trở thành chủ trương của đường lối kháng chiến chống Pháp. Quan điểm độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường cũng được vận dụng trong quan hệ quốc tế. Người khẳng định trong quan hệ quốc tế: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng to tiếng mới lớn...

Mở rộng quan hệ quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế không những chỉ có nội lực mà điều quyết định là phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Đây là một nguyên tắc trong quan hệ đối ngoại nhằm đảm bảo cho sự bền vững của khối đoàn kết. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người chỉ rõ: *“Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”*⁷¹. Trong quan hệ giữa các Đảng Cộng sản, Người cũng xác định rõ: *“Các Đảng dù lớn nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng*

⁶⁹ Rômét Chandra: Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại, báo Nhân Dân, ngày 21-5-1980.

⁷⁰ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 6, tr 522

⁷¹ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 5, tr 136

⁸⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 10, tr 235

*thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”*⁷². Thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của đường lối độc lập tự chủ sáng tạo, là thắng lợi của việc giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế. Chính đường lối độc lập, tự chủ đó đã giúp Đảng ta tranh thủ được phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa mà đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc khi hai nước này có những bất đồng sâu sắc về quan hệ quốc tế cũng như đường lối chống Mỹ của Việt Nam. Sự độc lập đường lối đó làm cho cả Liên Xô lẫn Trung Quốc không thể không giúp đỡ Việt Nam. Cũng chính sự đoàn kết của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc đã góp phần không nhỏ vào việc củng cố quan hệ đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cách mạng thế giới. Điều đó tạo chỗ dựa cho phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

C. KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:*

+ Quan niệm rộng rãi, có nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

+ Quan niệm về đại đoàn kết có tổ chức, có lãnh đạo.

- *Ý nghĩa của việc học tập:*

+ Thấy rõ vai trò, sức mạnh to lớn của đại đoàn kết; tin tưởng vào tiềm năng cách mạng của quần chúng nhân dân.

+ Đóng góp sức mình vào xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; thật sự đoàn kết trong tập thể nhằm tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Trình bày những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc?
2. Phân tích vấn đề đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh
3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta phải làm gì?

E. CÁC TÁC PHẨM, BÀI VIẾT, BÀI NÓI CỦA HỒ CHÍ MINH CẦN THAM KHẢO

1. Nên học sử ta, Năm 1924
2. Bài nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc, Ngày 10/01/1955.

3. Thư gửi đồng bào Nam bộ, Năm 1946.
4. Báo cáo chính trị tại đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Ngày 11/2/1951.
5. Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp tuần lễ vàng, Năm 1946

CHƯƠNG 6

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Học tập, nghiên cứu chương 6 cần nắm vững những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước quyền làm chủ thuộc về nhân dân, nhà nước đảm bảo sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính dân tộc và tính nhân dân, một nhà nước pháp quyền, nhà nước trong sạch, vững mạnh và hiệu quả.
- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân
- Liên hệ với thực tiễn hiện nay ở nước ta.

B. NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân

Dân chủ là ước mơ, là khát vọng, là mục tiêu phấn đấu của loài người. Dân chủ là nhu cầu khách quan của nhân dân lao động, dân chủ là quyền lực của nhân dân. Dân chủ trong xã hội có giai cấp, nhà nước chủ yếu thực hiện bằng hình thức nhà nước thì không có dân chủ chung chung phi giai cấp mà thể hiện bản chất của giai cấp thống trị. Khi có nhà nước, dân chủ còn có ý nghĩa là một hình thức nhà nước, quyền lực thuộc về nhân dân. Đây là quan niệm được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn gọn, đi thẳng vào bản chất của khái niệm quyền lực. Mở rộng khái niệm dân chủ, Hồ Chí Minh cho rằng : “ Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”. Người cũng khẳng định bản chất chế độ xã hội mà chúng ta xây dựng : “ Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”⁷³ Khẳng định bản chất của chế độ dân chủ, Người cũng khẳng định địa vị của nhân dân : “ Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”⁷⁴.

⁸⁶ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 10, tr 251.

⁷⁴ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 6, tr 515.

Như vậy, dân chủ trong quan niệm của Hồ Chí Minh được hiểu từ hai góc độ “Dân là chủ” – khía cạnh ngôn từ, đó là danh từ, chỉ rõ địa vị, vị thế của dân trong các quan hệ xã hội. Còn “dân làm chủ” ở khía cạnh động từ chỉ rõ năng lực và trách nhiệm của dân trong việc thực thi quyền lực. Dân là chủ và dân làm chủ có quan hệ biện chứng với nhau trong quá trình xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam. Hồ Chí Minh còn đưa quan niệm dân để chỉ rõ bản chất của dân chủ.

Quan niệm trên của Hồ Chí Minh phản ánh bản chất của chế độ dân chủ ở Việt Nam. Dân chủ - tức là quyền hành và lực lượng thuộc về nhân dân.

.Dân chủ thể hiện ở việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Dân chủ trong xã hội Việt Nam thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội : từ kinh tế, chính trị, đến văn hóa xã hội... Trong những lĩnh vực trên Hồ Chí Minh nhấn mạnh lĩnh vực nổi bật nhất, quan trọng nhất là dân chủ trên lĩnh vực chính trị. Dân chủ trên lĩnh vực chính trị được biểu hiện tập trung trong hoạt động của nhà nước- công cụ quyền lực của nhân dân .Hồ Chí Minh đã khẳng định điều đó trên cả quan điểm lẫn thực tế trong quá trình xây dựng nhà nước mới- nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Năm 1953, trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh : “ Ở nước ta chính quyền là của nhân dân, do nhân dân làm chủ... Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành quyền ấy. Thế là dân chủ”⁷⁵.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ dân chủ còn được biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội. Mục tiêu là xây dựng một chế độ dân chủ ở Việt Nam “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, “ quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Do đó để là một nước dân chủ phải có phương thức tổ chức và hoạt động đảm bảo quyền lực của dân. Trong cấu tạo quyền lực, mà ở đó thông qua con đường dân chủ trực tiếp hoặc dân chủ đại diện, một hệ thống quyền lực do “dân cử ra” và do dân tổ chức nên”.

Như vậy, Hồ Chí Minh không chỉ coi dân chủ có ý nghĩa là một giá trị chung, là sản phẩm trong quá trình tiến hóa của nhân loại mà còn là lý tưởng phấn đấu của các dân tộc. Dân chủ cũng không dừng lại với tư cách là thiết chế xã hội của một quốc gia mà còn có ý nghĩa biểu thị quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân tộc. Đó là mối quan hệ dân chủ, bình đẳng, là nguyên tắc ứng xử, quan hệ quốc tế.

⁷⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 7, tr 218-219.

Quan điểm xây dựng nhà nước của Hồ Chí Minh là kết quả của sự kế thừa kinh nghiệm xây dựng nhà nước của cha ông cùng với việc trung thành và phát triển học thuyết Nhà nước cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lê nin. Tư tưởng về nhà nước do nhân dân lao động là chủ và làm chủ của Hồ Chí Minh được thể hiện trên những nội dung sau:

1.Nhà nước của dân

Dân chủ được thể hiện bằng nhà nước chỉ rõ: mọi quyền lực trong nhà nước và xã hội đều thuộc về nhân dân.

Trong Điều 1 Hiến pháp 1946 khẳng định: *“Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”*.

Điều 32: *“Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết...”* thực chất đó là chế độ trưng cầu dân ý, một hình thức dân chủ trực tiếp được đề ra khá sớm ở nước ta.

Sau khi giành được chính quyền, nhân dân ủy quyền cho các đại diện do mình bầu ra, đồng thời nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu như đại biểu ấy tỏ ra không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Trong nhà nước của dân thì dân là chủ, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, nghĩa là có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo pháp luật.

Nhà nước của dân phải bằng mọi nỗ lực, hình thành được các thiết chế dân chủ để thực thi quyền làm chủ của người dân. Cũng trên ý nghĩa đó, các vị đại diện của dân, do dân cử ra, chỉ là thừa ủy quyền của dân, chỉ là “công bộc” của dân theo ý nghĩa đúng đắn của từ này.

2.Nhà nước do dân

Đó là nhà nước do dân lựa chọn, bầu ra những đại biểu của mình,nhà nước đó do dân ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để nhà nước chi tiêu, hoạt động; nhà nước đó lại do dân phê bình, xây dựng, giúp đỡ. Do đó, Hồ Chí Minh yêu cầu: Tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Khi các cơ quan đó không đáp ứng được lợi ích và nguyện vọng của nhân dân thì nhân dân sẽ bãi miễn nó. Nhà nước do dân, nhân dân tham gia quản lý được thể hiện trên các nội dung sau :

Công dân tham gia bầu cử ra Quốc hội- cơ quan quyền lực cao nhất của xã hội, cơ quan lập pháp.

Quốc hội bầu ra chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ quốc hội và Chính phủ

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nhà nước, thực hiện nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật.

Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của nhân dân (thông qua Quốc hội do nhân dân bầu ra)

3. Nhà nước vì dân

Đó là nhà nước phục vụ cho lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, ngoài ra không vì bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước không có đặc quyền, đặc lợi, thực sự trong sạch, cần, kiệm, liêm, chính.

Trên tinh thần xây dựng một nhà nước vì dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh : mọi đường lối, chủ trương, chính sách đều nhằm một mục đích đưa lại lợi ích cho nhân dân ; việc gì có lợi cho dân, dù nhỏ mấy cũng hết sức làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ mấy cũng hết sức tránh. Nhà nước của dân

Trong nhà nước đó, từ chủ tịch trở xuống đều là công bộc của dân. Vì vậy:

“Việc gì lợi cho nhân dân ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh”.

Trong Di chúc, Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải làm thế nào để xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Là người đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ.

Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài...

Như vậy, để làm người thay mặt dân phải gồm đủ cả đức - tài, phải vừa hiền lại vừa minh.

II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước

1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

Không có một nhà nước phi giai cấp, siêu giai cấp. Bản chất của Nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân trên nền tảng công - nông liên minh do giai cấp công nhân lãnh đạo. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện trước hết ở chỗ:

Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Điều này được thể hiện:

- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp tùy theo từng thời kỳ. Theo Hồ Chí Minh, phương thức lãnh đạo của Đảng chung cho các thời kỳ là:

+ Đảng lãnh đạo bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hoá thành pháp luật, chính sách, kế hoạch.

+ Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước.

+ Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan từ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân đều hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước

Sự hài hòa, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở các quan điểm sau:

Một là, Nhà nước dân chủ mới của ta là kết quả đấu tranh gian khổ, lâu dài với sự hy sinh của nhiều thế hệ người Việt Nam.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Kế tục truyền thống đấu tranh bảo vệ độc lập của dân tộc, các phong trào đấu tranh bảo vệ độc lập của dân tộc, các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp nổ ra mạnh mẽ. Các phong trào cứu nước dưới sự lãnh đạo của các nhà lãnh đạo tiền bối thâm truyền thống dân tộc nhưng không giành được độc lập dân tộc vì không có đường lối cứu nước đúng đắn. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời vào ngày 3 tháng 2 năm 1930, đã lãnh đạo phong trào đi đúng hướng. Cách mạng tháng Tám năm 1945

đã đưa đến sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó là kết quả của sự hy sinh, đấu tranh gian khổ của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước.

Hai là, Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng.

Trong nhà nước đó lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc thống nhất làm một. Nhà nước không chỉ thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc, chính phủ luôn là chính phủ đại đoàn kết.

Ba là, Nhà nước mới vừa ra đời đã đảm nhận nhiệm vụ lịch sử giao phó: tổ chức cuộc kháng chiến của toàn dân tộc bảo vệ thành quả cách mạng, tiến tới thống nhất nước nhà, xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

III. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

1. Xây dựng một Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

Sau khi giành được chính quyền trong cả nước, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự khai sinh của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mới, qua đó biểu dương lực lượng và ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm giữ vững nền tự do, độc lập của mình.

Trong phiên họp đầu tiên của chính phủ (3.9.1945), Người đề nghị tổ chức cuộc tổng tuyển cử và ký Sắc lệnh lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Người làm trưởng ban.

Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên (6-1-1946) bầu 333 đại biểu. Trong phiên họp đầu tiên (2-3-1946), Quốc hội đã chuẩn y lời thỉnh cầu của Hồ Chí Minh mở rộng thêm 50 ghế cho Việt Nam Quốc dân Đảng và 20 ghế cho Việt Nam Cách mạng đồng minh hội.

Hồ Chí Minh được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Đây là Chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề đối nội, đối ngoại của Nhà nước Việt Nam mới.

Vì vậy, quân đội Tưởng và đại diện Đồng minh đến Hà Nội không thể lật đổ mà phải đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh.

2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống

Trong một nhà nước dân chủ, dân chủ và pháp luật phải luôn luôn đi đôi với nhau, nương tựa vào nhau mới đảm bảo được cho chính quyền trở nên mạnh mẽ.

Không thể có dân chủ ở ngoài pháp luật, pháp luật là bà đỡ của dân chủ. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế hoá bằng hiến pháp và pháp luật, ngược lại hệ thống pháp luật phải đảm bảo cho quyền tự do, dân chủ của người dân được tôn trọng trong thực tế.

Xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa đảm bảo được việc thực hiện quyền lực của nhân dân là mối quan tâm suốt đời của Hồ Chí Minh.

IV. Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

Để có một nhà nước kiểu mới, đó là cuộc đấu tranh gian khổ phải huy động sức mạnh của nhân dân và cả hệ thống chính trị, sử dụng và kết hợp các biện pháp tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, kinh tế và pháp luật... trong đó Hồ Chí Minh nhấn mạnh các nội dung cơ bản sau đây:

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức tài

Để tiến tới một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, có hiệu lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng hình thành một đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật, thành thạo nghiệp vụ hành chính và nhất là phải có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một tiêu chuẩn của người cầm cân nảy mực cho công lý.

Đi vào những mặt cụ thể, Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu sau đây về xây dựng đội ngũ cán bộ công chức:

Một là, tuyệt đối trung thành với cách mạng.

Hai là, hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

Ba là, phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Bốn là, cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, "thắng không kiêu, bại không nản".

Năm là, phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước.

2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Sức mạnh và hiệu quả của nhà nước một mặt dựa vào tính nghiêm minh của việc thi hành pháp luật, mặt khác dựa vào sự gương mẫu, trong sạch về đạo đức của người cầm quyền.

Hồ Chí Minh coi: “tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến, tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”. Vì vậy, chống giặc ngoại xâm đi đôi với chống giặc nội xâm. Ngày 27 – 11- 1946, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt đưa và nhận hối lộ với mức từ 5 năm đến 20 năm tù khổ sai và phải nộp gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26- 1 -1946, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh nói rõ tội tham ô, trộm cắp của công là tội tử hình.

Ngày nay, nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do sự giáo dục và quản lý yếu kém của Nhà nước, những phần tử gian manh, bịp bợm chúng móc nối được với những tên thoái hoá, biến chất trong bộ máy Nhà nước, ra sức tung hoành, ăn cướp, lừa đảo, chiếm đoạt hàng ngàn tỷ đồng của nhân dân, dẫn đến những vụ án tày đình, làm xôn xao dư luận xã hội, gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân về sự trong sạch, vững mạnh của bộ máy Nhà nước ta. Công luận đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải kiên quyết phanh phui và trừng trị thật đích đáng để đem lại niềm tin cho nhân dân vào sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước ta.

3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Xuất phát từ điều kiện cụ thể của Việt Nam, từ nền kinh tế tiểu nông, quen sống theo luật tục hơn là theo pháp luật, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội, lại trải qua nhiều năm chiến tranh,... muốn hình thành ngay một nhà nước pháp quyền là không thể có được. Trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay, phải nhấn mạnh vai trò của pháp luật, phải tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân, đồng thời phải chú ý đến giáo dục đạo đức.

Đạo đức và pháp luật đều là 2 hình thái ý thức xã hội, thuộc 2 lĩnh vực khác nhau nhưng lại kết hợp bổ sung cho nhau trong thực tế trị nước.

Hồ Chí Minh là một mẫu mực của sự kết hợp giữa đạo đức và pháp luật. Người luôn chú trọng giáo dục đạo đức nhưng cũng không ngừng nâng cao vai trò sức mạnh của pháp luật.

Trong 24 năm đứng đầu Nhà nước và cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh gương mẫu chấp hành kỷ cương phép nước, đồng thời cũng suốt đời kiên trì giáo dục cho cán bộ, đảng viên, những người có chức có quyền.

Cuối năm 1945, đồng chí Lê Giản phụ trách ngành công an, Bác dặn “*chú phải thiết điện vô tư*” nếu không bác sẽ “*thiết điện vô tư*” với chú.

Thiết điện là mặt sắt nghĩa là phải kiên quyết, cứng rắn.

Vô tư là công bằng, công minh.

Trong kháng chiến chống Pháp, đại tá *Trần Dụ Châu* - cục trưởng Cục quân nhu, bớt xén khẩu phần của bộ đội để cùng đồng bọn sống phè phỡn bị lĩnh án tử hình. Bác đã ký sắc lệnh bác đơn xin giảm án của y.

Như vậy, Hồ Chí Minh rất đề cao phép nước, “đức trị” đi đôi với “pháp trị”.

C. KẾT LUẬN

- *Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:*

+ Lựa chọn kiểu Nhà nước phù hợp với thực tế Việt Nam.

+ Bản chất dân chủ triệt để của Nhà nước mới.

+ Quan niệm về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

+ Kết hợp cả đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội.

- *Ý nghĩa của việc học tập:*

+ Thấy được vai trò to lớn của Hồ Chí Minh trong việc khơi nguồn dân chủ và xác lập Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam.

+ Nhận thức bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta.

+ Có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng Nhà nước trong sạch, sáng suốt, mạnh mẽ.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về một Nhà nước của dân, do dân và vì dân?

2. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay? Để xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải làm gì?

E. CÁC TÁC PHẨM, BÀI VIẾT, BÀI NÓI CỦA HỒ CHÍ MINH CẦN THAM KHẢO

1. Chính phủ là công bộc của dân, Tháng 9/1945.
2. Dân vận 1949 (I. Nước ta là nước dân chủ), Năm 1949.
3. Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, tháng 10/1945.
4. Nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước dân chủ cộng hòa, Ngày 3/9/1945.
5. Trả lời một nhà báo nước ngoài, Ngày 16/7/1947.

CHƯƠNG 7

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Học tập, nghiên cứu chương 7 cần nắm vững những nội dung chủ yếu sau đây:

- Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa, vị trí, vai trò của văn hóa, các chức năng cơ bản của văn hóa, các lĩnh vực chính của văn hóa.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò vị trí của đạo đức, những chuẩn mực đạo đức, những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.
- Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới.
- Sinh viên học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh.
- Liên hệ với thực tiễn hiện nay ở nước ta.

B. NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Định nghĩa về văn hoá

Khi bàn về “Văn hóa” có rất nhiều định nghĩa khác nhau, tùy theo góc độ tiếp cận hiện nay trên thế giới có đến hàng trăm định nghĩa về văn hóa. Tháng 8 năm 1943, Hồ chí Minh đưa ra định nghĩa về văn hóa: *“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”*⁷⁶

Ở góc độ tiếp cận đó văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả giá trị vật chất và tinh thần mà loài người đã tạo nên nhằm đáp ứng với nhu cầu tồn tại. Điểm đáng lưu ý

⁷⁶ Hồ Chí Minh, toàn tập, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000, tập 3, tr 431.

định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh được tiếp cận đã khắc phục được quan niệm phiến diện về văn hóa trong lịch sử và hiện tại. Đó là những quan niệm cho rằng văn hóa chỉ chỉ là lĩnh vực tinh thần, là văn học, nghệ thuật, giáo dục hay trình độ học vấn.

b. Quan niệm về xây dựng một nền văn hoá mới

Hồ Chí Minh đưa ra *Năm điểm lớn* định hướng cho việc xây dựng nền văn hoá dân tộc:

1. “Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình làm lợi cho quần chúng.
3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
4. Xây dựng chính trị: dân quyền.
5. Xây dựng kinh tế”.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội

Một là, văn hoá là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng.

Trong quan hệ với chính trị, xã hội: Hồ Chí Minh cho rằng, chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hoá phát triển.

Trong quan hệ với kinh tế, Hồ Chí Minh chỉ rõ kinh tế thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hoá.

Hai là, văn hoá không thể đứng ngoài mà ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

Văn hoá phải ở trong kinh tế và chính trị, có nghĩa là văn hoá phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng, phát triển kinh tế.

Văn hoá phải ở trong kinh tế và chính trị, điều đó cũng có nghĩa kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hoá, điều mà chủ nghĩa xã hội và thời đại đang đòi hỏi.

- Văn hóa là đời sống tinh thần, thuộc kiến trúc thượng tầng.
- Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị.
- Văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng.

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa

Nền văn hoá mới mà chúng ta xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn bao hàm ba tính chất: tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng.

Tính dân tộc của nền văn hoá được Hồ Chí Minh biểu đạt bằng nhiều khái niệm, như đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hoá dân tộc, giúp phân biệt, không nhầm lẫn với văn hoá các dân tộc khác.

Tính khoa học của nền văn hoá mới thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hoá của thời đại.

Tính đại chúng của nền văn hoá được thể hiện ở chỗ nền văn hoá ấy phải phục vụ nhân dân và do nhân dân xây dựng nên.

c. Quan điểm về chức năng của văn hóa

Hồ Chí Minh cho rằng văn hóa có ba chức năng chủ yếu :

Một là: bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp

Ý thức con người gồm nhiều yếu tố cấu thành: tri thức, tình cảm, ý chí.... Do đó muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải xây dựng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp. Hồ Chí Minh chỉ rõ bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho con người phải đi đôi với loại bỏ những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng để con người nhận thức và hành động đúng. Chức năng đó phải được tiến hành thường xuyên

Nội dung giáo dục bồi dưỡng: lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do. Tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Đó là lý tưởng không có gì quý hơn độc lập tự do. Độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Phương pháp: tiến hành thường xuyên, tiến hành với các đối tượng, các mối quan hệ.

Hai là: nâng cao dân trí

Hồ Chí Minh khẳng định: nói đến văn hóa là nói đến tri thức, nói đến hiểu biết từ thấp đến cao. Nâng cao dân trí là nâng cao hiểu biết của con người ở nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khoa học.....

Ở từng giai đoạn cách mạng mục đích nâng cao dân trí có điểm chung và riêng, nhưng đều thống nhất ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Ba là: bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, hướng con người tới giá trị Chân - Thiện - Mỹ.

Muốn hưởng thụ tốt giá trị văn hóa, muốn tham gia vào sáng tạo giá trị văn hóa, con người phải có phẩm chất và phong cách cần thiết, muốn vậy phải tu dưỡng rèn luyện. Có nhiều loại phẩm chất: chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ. Phẩm chất chung cho con người Việt Nam, các nghề nghiệp hoạt động khác nhau nhưng phẩm chất đạo đức của cán bộ, Đảng viên có vai trò quan trọng đó là tấm gương sáng cho nhân dân noi theo.

Văn hóa góp phần hình thành phẩm chất, phong cách cho con người thông qua việc hình thành đạo đức, văn hóa, lối sống. Thể hiện văn hóa giúp con người phân biệt cái tốt cái xấu, cái tiến bộ hướng con người vươn tới giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Với ý nghĩa đó văn hóa soi đường cho quốc dân đi.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

a. Văn hóa giáo dục

Hồ Chí Minh đã bỏ nhiều công sức để phân tích sâu sắc nền giáo dục phong kiến, thực dân và chuẩn bị xây dựng nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập.

Nền giáo dục phong kiến là nền giáo dục từ chương, kinh viện, xa rời thực tế, không quan tâm đến thực nghiệm, coi kinh sách của thánh hiền là đỉnh cao của trí thức. Mẫu người của nền giáo dục phong kiến là đào tạo ra những kẻ sĩ, người quân tử, bậc trượng phu, trọng nam khinh nữ.

Nền giáo dục thực dân là nền giáo dục ngu dân, đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự đốt nát. Nó dạy cho họ một lòng trung thực giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một tổ quốc không phải là tổ quốc của mình. Mục đích của họ là đào tạo ra những người phục vụ cho chính quyền thực dân.

Hồ Chí Minh đã tố cáo nền giáo dục thực dân trước thế giới, làm cho thế giới hiểu rõ nền giáo dục thực dân thực chất là nền giáo dục “ngu dân”, “nhồi sọ” đồng thời thức tỉnh nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa vùng lên đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập, được Bác Hồ chuẩn bị từ rất sớm, nó ra đời trong cách mạng và phát triển trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, dưới sự lãnh

đạo trực tiếp của Người. Những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hoá, giáo dục được tập trung ở những điểm chính sau đây:

+ *Mục tiêu của văn hoá giáo dục* là thực hiện cả 3 chức năng của văn hoá bằng giáo dục, có nghĩa là bằng dạy và học.

Dạy và học để mở mang tâm trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp, những phẩm chất trong sáng và phong cách lành mạnh cho nhân dân.

Đó là đào tạo con người mới vừa có đức, vừa có tài để xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ.

Đó là “cải tạo trí thức cũ”, “đào tạo trí thức mới”, xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng đông đảo và có trình độ ngày càng cao.

Mở mang dân trí phải bắt đầu từ xoá nạn mù chữ, chống giặc dốt, nâng cao dân trình độ, kết hợp phổ cập với nâng cao, biến nước ta thành một nước có nền văn hoá phát triển cao.

+ *Phương châm, phương pháp giáo dục:*

Phương châm bao gồm: học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn; học tập kết hợp với lao động; kết hợp nhà trường - gia đình - xã hội....

Phương pháp giáo dục: phải xuất phát và bám chắc vào mục tiêu giáo dục. Giáo dục là một khoa học nên cách dạy phải phù hợp với lứa tuổi; dạy từ dễ đến khó; kết hợp học tập với vui chơi lành mạnh...

Quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ giáo viên vì không có giáo viên thì không có giáo dục. Phải xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất yêu nghề; phải có đạo đức cách mạng; phải yên tâm công tác, đoàn kết; phải giỏi về chuyên môn, thuần thực về phương pháp...

b. Văn hóa văn nghệ

Văn nghệ là biểu hiện tập trung nhất của nền văn hoá, là đỉnh cao của đời sống tinh thần, là hình ảnh của tâm hồn dân tộc. Dân tộc ta rất quý trọng văn nghệ, nó đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được của nhân dân ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn nghệ bao gồm những quan điểm cơ bản sau:

Văn nghệ là mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã viết những tác phẩm, những bài báo đề tố cáo, vạch trần bộ mặt dã man, tàn ác của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh.

Người dùng văn hoá đã kích cái gọi là “công lý” mà bọn thực dân thi hành ở thuộc địa. Người dùng văn hoá để cổ vũ tinh thần đấu tranh và nổi dậy của nhân dân bị áp bức. Hồ Chí Minh đã trở thành chiến sĩ tiên phong chống chủ nghĩa thực dân đế quốc ở đầu thế kỷ XX.

Từ những năm 40 của thế kỷ XX, khi giành được chính quyền, Người đã viết nhiều bài thơ, bài báo, tác phẩm, Người luôn là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá, văn nghệ.

“Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”.

+ *Văn nghệ phải gắn với đời sống thực tiễn của nhân dân.*

Thực tiễn đời sống nhân dân là lao động sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt và xây dựng cuộc sống mới. Văn nghệ vừa phản ánh thực tiễn ấy, vừa hướng cho nhân dân thúc đẩy sự phát triển của thực tiễn ấy theo quy luật của cái đẹp.

Chỉ có thực tiễn đời sống của nhân dân mới đem lại sinh khí vô tận cho văn nghệ, thực tiễn ấy cung cấp nhiều chất liệu không bao giờ cạn cho văn nghệ, từ đó với tài năng sáng tạo của mình mà tinh thần nhân văn hướng về người lao động, văn nghệ sĩ có thể nhào nặn, thăng hoa để tạo nên những tác phẩm có giá trị, có sức sống vượt qua giới hạn của không gian và thời gian, những tác phẩm văn nghệ lớn của những nghệ sĩ lớn thuộc nhiều dân tộc từ trước đến nay đã trở thành tài sản chung của nhân dân.

Quần chúng không chỉ là người hưởng thụ mà còn là người sáng tác văn hoá văn nghệ “sáng tác dân gian”.

+ *Phải có những tác phẩm xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc.*

Phải phản ánh cho hay, cho chân thật sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, văn nghệ phục vụ quần chúng không phải là hạ thấp nghệ thuật, không phải là cung cấp cho họ những sản phẩm “loại hai”, những món ăn tinh thần được chế biến vội vàng mà phải là những tác phẩm có tính nghệ thuật.

Hồ Chí Minh chỉ rõ “Một tác phẩm văn chương không quá dài mới hay. Khi nào tác phẩm ấy chỉ diễn đạt vừa ở những điều đáng nói, khi nó được trình bày sao cho mọi người ai

cũng hiểu được, và khi đọc xong, độc giả phải suy ngẫm thì tác phẩm ấy mới xem như là một tác phẩm hay và biên soạn tốt”.

Người thường chê những người viết dài và rỗng và yêu cầu các tác phẩm phải có nội dung chân thật, phong phú, hình thức trong sáng vui tươi, khi chưa xem thì muốn xem, khi xem rồi thì có bổ ích.

Đề tài Bác Hồ viết là chống thực dân đế quốc, chống phong kiến, địa chủ, tuyên truyền, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đó cũng là đề tài bao trùm của giới văn nghệ sĩ nước ta. Nó được thể hiện ra bằng nhiều thể loại, nhiều tác phẩm khác nhau, nó mở ra con đường sáng tạo của văn nghệ sĩ.

c. Văn hóa đời sống

Ngay từ khi nước Việt Nam độc lập, Hồ Chí Minh đã phát động phong trào xây dựng đời sống mới. Tháng 4.1946, Người ký sắc lệnh thành lập uỷ ban TW vận động đời sống mới. Tháng 3.1947, Người viết cuốn “Đời Sống Mới”.

Như vậy, việc xây dựng đời sống mới đã được Hồ Chí Minh nêu ra từ rất sớm. Khi vấn đề lối sống, nếp sống, phong cách sống, chất lượng sống... hầu như chưa được bàn đến một cách rộng rãi ở các nước. Cuộc vận động này đã nhanh chóng trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, tạo nên những chuyển biến to lớn trong đời sống văn hoá của nhân dân ta.

Khái niệm về đời sống mới được Hồ Chí Minh nêu ra bao gồm cả đạo đức mới, lối sống mới và nếp sống mới, ba nội dung ấy quan hệ mật thiết với nhau trong đó đạo đức đóng vai trò chủ yếu. Có dựa trên cái nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống, nếp sống mới lành mạnh, vui tươi hướng con người đến tầm cao của văn hoá, của một đất nước độc lập và chủ nghĩa xã hội.

Đời sống mới bao gồm:

+ *Đạo đức mới:*

Hồ Chí Minh viết: “*Thực hành đời sống mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính*”, “*nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì sẽ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân*”. “*Nêu cao cần, kiệm, liêm, chính tức là nhen lửa cho đời sống mới*”.

+ *Lối sống mới:*

Lối sống mới trước hết là lối sống có lý tưởng, có đạo đức. Đó là lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hoà truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại.

Lối sống bao gồm 5 cách: Cách ăn, cách ở, cách mặc, cách đi lại, cách làm việc. Năm cách này phải được sửa đổi ở mỗi người cũng như đối với một tập thể, một cộng đồng. Hay phong cách sống (sinh hoạt ứng xử) và phong cách làm việc gọi chung là phong cách sống.

Theo Hồ Chí Minh, phải xây dựng một phong cách sống khiêm tốn, giản dị, chừa mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý trọng thời gian, ít ham muốn về vật chất, quyền danh lợi. Trong quan hệ với bạn bè thì chan hoà cởi mở, ân tình, tế nhị, yêu thương quý trọng con người.

+ *Nếp sống mới:*

Nếp sống mới chúng ta xây dựng phải kế thừa những truyền thống tinh thần tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục lâu đời của nhân dân ta.

Hồ Chí Minh dạy chúng ta vừa phải kế thừa những thuần phong mỹ tục đồng thời vừa phải biết cải tạo những phong tục tập quán cũ lạc hậu, bổ sung những cái mới mà trước đây chưa có.

Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà xấu thì bỏ (tính lười biếng, tham lam). Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa lại cho hợp lý (ma chay, cưới hỏi...). Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm như tình tương thân tương ái, trung với nước, hiếu với dân.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*

Xuyên suốt cuộc đời cách mạng của mình, Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức cách mạng là gốc của người cách mạng. Ngay trong tác phẩm “*Đường cách mạng*”, Người đã nêu 23 điều với tư cách một người cách mạng, giải quyết 3 mối quan hệ: đối với mình, đối với người, đối với việc. Những thập kỷ 4,5, Hồ Chí Minh đều có những bài viết ngắn gọn, xúc tích về đạo đức. Trong Di chúc, Người nhấn mạnh: “*Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, phải thực sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*”. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên.

Hồ Chí Minh coi đạo đức như gốc của cây, như nguồn của sông, Người nói: *“Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn, cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì làm nổi việc gì”*.

Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ, sức có mạnh mới gánh được nặng và đi xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. *“Mọi việc thành hay bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay là không”*. *“Tuy năng lực và công việc mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ nhưng ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng”*.

Đạo đức còn ảnh hưởng lớn đến sự nghiệp đổi xã hội cũ thành xã hội mới và xây dựng thuần phong, mỹ tục. Có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước *“Khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không kiêu ngạo, không quan liêu”*.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội.

+ Sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, nhân văn.

+ Cán bộ, đảng viên của Đảng phải là một tấm gương đạo đức.

b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- Trung với nước, hiếu với dân

Đây là phẩm chất đạo đức bao trùm, quan trọng nhất chi phối các phẩm chất khác.

“Trung”, “hiếu” là những khái niệm đã có trong tư tưởng đạo đức phương Đông. Trung có nghĩa là trung thành với vua. Còn Hiếu chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình là con cái phải hiếu thảo với cha mẹ. Hồ Chí Minh đã sử dụng trung, hiếu và đưa vào nội dung mới.

Nội dung chủ yếu của Trung với nước là:

- Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, lên trước hết.

- Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng.

- Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng.

Nội dung chủ yếu của Hiếu với dân là:

- Khẳng định vai trò sức mạnh thực sự của nhân dân.

- Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của dân, gắn bó mật thiết với dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

“*Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*”. Câu nói đó của Người vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị, đạo đức của mỗi người dân Việt Nam không phải chỉ trong đấu tranh cách mạng trước mắt mà còn lâu dài về sau.

- *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*

Đây là quan niệm đạo đức của phương Đông, Hồ Chí Minh đã giữ lại những gì tốt đẹp của quá khứ, gạt bỏ những gì không phù hợp và đưa vào nội dung mới.

Theo Hồ Chí Minh:

+ *Cần* tức là lao động cần cù, siêng năng, lao động có kế hoạch, sáng tạo, lao động với năng suất và hiệu quả cao.

+ *Kiệm* là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí.

+ *Liêm* là trong sạch, không tham lam. Không tham tiền tài, địa vị, sung sướng, danh tiếng,... Ngược lại đều là bất liêm.

+ *Chính* nghĩa là không tà, thẳng thắn, đứng đắn.

+ *Chí công vô tư* là không suy nghĩ đến mình trước, hưởng thụ đi sau mà chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào.

Tóm lại, cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư, ngược lại chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

- *Thương yêu con người, sống có tình nghĩa*

Hồ Chí Minh kế thừa truyền thống nhân nghĩa của dân tộc, kết hợp chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại qua nhiều thế kỷ, cùng với việc thử nghiệm của chính bản thân mình qua hoạt động thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã xác định tình thương yêu con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất.

Tình thương yêu đó trước hết dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Người nói: Tôi chỉ có một ham muốn tốt bậc là làm cho nước được độc lập, dân được tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Tình thương yêu con người được thể hiện trong quan hệ bạn bè, đồng chí, nó đòi hỏi thái độ phải biết tôn trọng con người, biết nâng con người lên chứ không phải vùi dập con người, đặc biệt đối với cán bộ lãnh đạo.

Trong Di chúc, Người căn dặn: Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Tình thương yêu trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc giữa những con người cùng lý tưởng, cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung, nó xa lạ với thái độ dĩ hoà vi quý, bao che sai lầm khuyết điểm cho nhau.

- *Có tinh thần quốc tế trong sáng*

Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động trên toàn thế giới mà Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp.

Đó là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Tinh thần đó được gọi là tinh thần quốc tế vô sản

Chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng thì mới tránh được chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập hay bành trướng bá quyền.

c. *Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới*

- *Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức*

Đối với mỗi người, lời nói phải đi đôi với việc làm thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân mình và tác dụng đối với người khác. Nếu nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo thì chỉ đem lại hiệu quả phản tác dụng.

Phải chống lại thói đạo đức giả, nó là đặc trưng đạo đức của giai cấp bóc lột “*hãy làm theo tôi nói, đừng làm theo tôi làm*”.

Hồ Chí Minh rất chú ý đến nêu gương những người tốt, việc tốt, một trăm bài diễn văn hay không bằng một tấm gương sống. “*Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước*”. “*Hồ hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã*”. Theo Người, “*Đảng viên đi trước, làng nước đi sau*” là như vậy.

- Xây đi đôi với chống

Xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới từ trong gia đình đến nhà trường và ngoài xã hội, khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người để mọi người tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình, đồng thời phải chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức thường vẫn diễn ra, phải phát hiện sớm, phải hướng mọi người vào cuộc đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức.

Thực tiễn cuộc đời Hồ Chí Minh, Người đã viết và nói rất gay gắt về xây đi đôi với chống (1963 phong trào 3 xây, 3 chống: Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật; chống quan liêu, lãng phí, tham ô).

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển, mà củng cố, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Tu dưỡng đạo đức cách mạng phải trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm của mỗi người và dư luận của quần chúng. Người cách mạng phải ý thức được đạo đức cách mạng là nhằm giải phóng con người và đạo đức của những con người được giải phóng.

Việc tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong đời tư cũng như trong đời công, trong sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu...

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Thứ nhất: Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân.

Con người trong quá trình tồn tại và phát triển luôn phấn đấu vươn lên giá trị Chân-Thiện-Mỹ. Để đạt đến sự toàn mỹ, con người cần hoàn thiện mình, trước hết cần phải tu dưỡng đạo đức- yếu tố cơ bản để tạo nên giá trị con người. Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội, hiểu một cách khái quát bao gồm toàn bộ những chuẩn mực, những quy tắc, những quan niệm về các giá trị nhân bản như thiện, ác, lương tâm, danh dự, trách nhiệm, hạnh phúc... nhằm quy định những hành vi trong quá trình quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng.

Hồ Chí Minh đã nhìn thấy đặc điểm chung của các dân tộc phương Đông, đặc biệt là Việt Nam là dân tộc trọng tình, trọng đạo lý làm người. Để phấn đấu hoàn thành bổn phận của mình, mỗi cá nhân luôn coi trọng việc tu dưỡng đạo đức bản thân. Với thể hệ trẻ việc tu dưỡng đạo đức lại càng quan trọng hơn vì: Một năm bắt đầu bằng mùa xuân, cuộc đời bắt đầu từ tuổi trẻ, tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội. Tuổi trẻ là “ người chủ tương lai của nước nhà”⁷⁷ là “ người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”⁷⁸. Sinh viên- nguồn nhân lực quan trọng của quốc gia, nguồn bổ xung nhân tài- nguyên khí quốc gia phải được đặc biệt quan tâm đến việc trao dồi đạo đức cách mạng. Khi nói chuyện với sinh viên, Người đã từng căn dặn: “ Thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn làm hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người”⁷⁹.

Hồ Chí Minh còn chỉ rõ việc thực hành đạo đức cách mạng của mỗi cá nhân trong đời sống hàng ngày không chỉ có tác dụng tôn vinh, nâng cao vị thế xã hội của họ mà còn giúp họ có sức mạnh nội sinh, vượt qua được những khó khăn, thử thách: “Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thân, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa”⁸⁰.

Thực hành đạo đức cá nhân trong đời sống, theo Hồ Chí Minh không có sự phân biệt ở vị trí xã hội, ở phẩm chất chính trị, ở tuổi tác, giới tính cứ ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng.

Thứ hai: kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh

⁷⁷ Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 5, tr 185

⁷⁸ Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 10, tr 488

⁷⁹ .¹⁰² Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 9, tr 172, 284

Tu dưỡng đạo đức phải tùy thuộc vào công việc cụ thể, hoàn cảnh cụ thể, vào đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi. với sinh viên, thanh niên trí thức, Hồ Chí Minh đã sớm xác định những phẩm chất đạo đức tối cần thiết để họ có phương hướng hành động. Ngày 7-5- 1958, trong bài nói tại Đại hội Sinh viên Việt Nam lần thứ hai, Người tóm lược những phẩm chất đạo đức của sinh viên trong: “ sáu cái yêu:

Yêu Tổ quốc: Yêu như thế nào? Yêu là phải làm sao cho Tổ quốc ta giàu mạnh. Muốn cho Tổ quốc giàu mạnh thì phải ra sức lao động, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Yêu nhân dân: Mình phải hiểu rõ sinh hoạt của nhân dân, biết nhân dân còn khổ cực như thế nào, biết chia sẻ những lo lắng, những vui buồn, những công tác nặng nhọc với nhân dân

Yêu chủ nghĩa xã hội: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm.

Yêu lao động: Muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội thì phải yêu lao động, vì không lao động thì chỉ là nổi sưng.

Yêu khoa học và kỹ luật: Bởi vì tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có khoa học và kỹ luật”

Hồ Chí Minh chỉ rõ để có được những phẩm chất cơ bản đó sinh viên phải ra sức rèn luyện cho mình những đức tính cần thiết như: trung thành, tận tụy, thật thà và chính trực, phải xác định rõ vị trí, nhiệm vụ của mình “ không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho lợi ích nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào”⁸¹. Trong học tập, rèn luyện phải “chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng xa xỉ. chống cách sinh hoạt ủy mị. chống kiêu ngạo giả dối, khoe khoang”⁸². Trong học tập, rèn luyện phải đặt ra và trả lời được các câu hỏi: học để làm gì? Học để phục vụ ai? Phải xác định rõ ai là bạn, ai là thù?

⁸¹Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 9, tr 172, 284

⁸²Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000 tập 9, tr 172, 284

Người cũng chỉ rõ: “ Đối với người, ai làm gì lợi cho nhân dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân, cho tổ quốc và đồng bào đều là thù... Điều gì phải, thì phải cố làm cho kỳ được, dù là việc nhỏ. Điều gì trái, thì phải hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ”⁸³.

b. Nội dung học tập theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh

Thứ nhất: Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay.

Tư tưởng đạo đức HỒ Chí Minh là đạo đức cách mạng: tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, chí công vô tư, tư tưởng giải phóng. Dưới ngọn cờ tư tưởng đó, qua các giai đoạn cách mạng, thế hệ trẻ Việt Nam đã đi cùng dân tộc qua các chặng đường, lập nên những kỳ tích, tạo nên những kỳ tích của dân tộc trong thế kỷ XX.

Bước vào thời kỳ đổi mới, xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những nhân tố mới xã hội chủ nghĩa- đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành trở thành động lực để phát triển đất nước. Nền đạo đức đó vừa tiếp biến được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Các giá trị đạo đức của đó trở thành sức mạnh trường tồn của dân tộc như: yêu nước, thương nòi, sống nghĩa tình trọn vẹn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với những biểu hiện mới, nội dung mới do yêu cầu của dân tộc và thời đại. Chính nhờ những giá trị đạo đức đó, mà đa số người Việt Nam vẫn giữ được bản sắc của dân tộc mình, trong đó có bộ phận sinh viên, thanh niên trí thức. họ vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh; khiêm tốn, luôn cần cù, sáng tạo trong học tập, rèn luyện; sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động, nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn, thử thách, dám chịu trách nhiệm, không ỷ lại, chây lười; gắn bó, đồng hành với nhân dân vì sự nghiệp: dân giàu, nước mạnh. xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của cơ chế thị trường đã xuất hiện tâm lý chạy theo lợi nhuận, lối sống thực dụng chạy theo danh lợi bất chấp đạo lý cùng với những thủ đoạn của âm mưu “diễn biến hòa bình” mà các thế lực thù địch thực hiện ở nước ta đã dẫn đến những hiện tượng tiêu cực tác động không nhỏ tới đời sống đạo đức của xã hội, trong đó có sinh viên, thanh niên trí thức. Đã xuất hiện “ Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

⁸³ Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tập 9, tr 172, 284

lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng”⁸⁴. Từ đó dẫn đến “tình trạng những nhiều, cửa quyền, thiếu trách nhiệm ở một bộ phận công chức, nhất là ở các cơ quan trực tiếp giải quyết công việc của dân và doanh nghiệp, chậm được khắc phục”⁸⁵. Nguyên nhân và cũng là kết quả của tình trạng trên là “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ hoàn thành nhiệm vụ”⁸⁶... Điều đó đã làm ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, ý chí phấn đấu, đến đời sống đạo đức công dân của sinh viên, thanh niên trí thức. Những tác động trên đã đưa tới những hậu quả là đã có một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với bản thân, gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút xách, trộm cướp, lừa đảo; họ sống thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp... Đó là những biểu hiện đạo đức cần phải được quan tâm chấn chỉnh uốn nắn kịp thời.

Thứ hai: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tư tưởng và hành động đạo đức Hồ Chí Minh có một sức sống mãnh liệt và là sự cổ vũ lớn lao không chỉ với nhân dân Việt Nam mà còn với cả nhân loại trên con đường đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng. Để trở thành người chủ tương lai của nước nhà sinh viên và thanh niên trí thức Việt Nam cần phải học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo những nội dung cơ bản sau:

Một là: Học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và tấm gương sáng của nhân loại suốt đời hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng con người.

Ngay từ thuở niên thiếu, Người đã lựa chọn một cách rõ ràng và dứt khoát mục tiêu hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và canh tân đất nước. Người đã chấp nhận mọi hy sinh, thử thách, luôn kiên định, sáng suốt vượt qua mọi khó khăn gian khổ,

⁸⁴, ¹⁰⁷, ¹⁰⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 65, 64, 66.

“thắng không kiêu, bại không nản”, “giàu sang không thể quyền rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục” nhằm thực hiện cho được mục tiêu lớn lao đó. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: Bài học chính trong đời tôi là tuyệt đối và hoàn toàn cống hiến cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất Tổ quốc, giải phóng giai cấp công nhân và dân tộc bị áp bức, cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, cho sự hợp tác anh em và hòa bình giữa các dân tộc. “một ngày thấy đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”. Khi phải đi xa, điều luyến tiếc duy nhất của Người là “không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”

Tấm gương hy sinh cao cả vì sự tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh đã được nhân dân khắp thế giới ca ngợi và kính phục. Những lời ca ngợi tốt đẹp nhất đã được dùng để ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh: “nhà cách mạng triệt để”, “nhà hoạt động quốc tế thần thoại”, “một nhân vật nổi bật nhất trong thời đại chúng ta”. một con người “mà cái chết là mầm sống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt”⁸⁷.

Hai là: Học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Hồ Chí Minh thường yêu cầu cán bộ, đảng viên thực hiện cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất để xây dựng tư cách người cán bộ cách mạng. Và tự mình, Người đã trở thành tấm gương sáng trong thực hành đạo đức cách mạng. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết: “Hồ Chủ tịch không có cái gì riêng. Cái gì của nước của dân là của Người. quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng đêm ngày của Người. Gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam”⁸⁸.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn coi khinh sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng cầu kỳ, suốt đời giữ một lối sống thanh bạch, tao nhã, giản dị, khiêm tốn, khắc khổ để đấu tranh mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Nhân dân Việt Nam và những ai trên thế giới biết đến Hồ Chí Minh đều biết đến bộ ka ki bạc màu, đôi dép cao su, cái nhà sàn gỗ của Hồ Chí Minh... Khi nói về những đức tính vĩ đại của Hồ Chí Minh, Tổng thống anh hùng của nhân Chi lê, X. Agien đê đã khái quát: “Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc

⁸⁷ Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr76.

⁸⁸ Đinh Xuân Dũng (chủ biên) Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2006, tr45.

đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường”⁸⁹.

Sinh viên, thanh niên trí thức trong điều kiện mới của đất nước phải tiếp biến tinh thần đó, lối sống đó vì Việt Nam còn là một trong những nước nghèo trên thế giới, nỗi nhục mất nước không còn nhưng nỗi nhục đói nghèo chưa mất.

Ba là: Học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người.

Hồ Chí Minh có tình thương yêu bao la đối với con người. Tình thương đó gắn với niềm tin tuyệt đối và sức mạnh của nhân dân. Từ quan điểm “ nước lấy dân làm gốc” Người luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên phấn đấu vì hạnh phúc của nhân dân “việc gì có lợi cho dân, dù nhỏ mấy cũng phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ mấy cũng phải hết sức tránh”. Cán bộ, đảng viên phải gần dân, thân dân, hiểu dân, tin dân, học dân; hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Quan liêu là căn bệnh mà Người phê phán quyết liệt, và hành động của chính Người đã nói lên điều đó. Là lãnh tụ của dân tộc, có uy tín cao và sức hấp dẫn lớn, nhưng Hồ Chí Minh luôn coi mình là công bộc của dân.

Với tính nhân văn cao cả, Hồ Chí Minh chia sẻ với mỗi người những nỗi đau riêng. Người quan niệm “ Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người thành nỗi đau khổ của tôi”⁹⁰.

Những việc làm của Hồ Chí Minh đối với con người đã trở thành tấm gương để chúng ta học tập. Tháng Tám năm 1945, cách mạng thành công cũng là lúc Việt Nam trải qua nạn đói lịch sử, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi tháng mỗi người nhịn ăn ba lần để góp gạo cứu đói và Người trở thành tấm gương mẫu mực cho toàn dân noi theo. Trong chiến dịch Việt Bắc, sau khi đi thăm trại tù binh Pháp về, Người đã không còn áo khoác ngoài vì đã cho tên tù binh Pháp bị rét cồng...

Lòng nhân ái của Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc nên có sức cảm hóa to lớn trong việc tái tạo và xây dựng lương tri cho con người. Từ tinh thần nhân văn Cộng sản nên khi làm cách mạng, Hồ Chí Minh luôn luôn đặt tự do và hạnh phúc gắn bó với

⁸⁹ Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr76.

⁹⁰ Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tập 12, tr 560-561

nhau. Tinh thần nhân văn đó vừa thánh thiện vừa gần gũi làm xúc động trái tim nhân loại. Người suy tôn “như một ông thánh Cộng sản ở phương Đông”.

Bốn là: Học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh đầy gian nan thử thách: Hai lần ngồi tù trong nhà tù đế quốc, một lần nhận bản án tử hình, có thời kỳ hoạt động sôi nổi được đánh giá cao, có thời kỳ bị hiểu lầm, nghi kỵ, không được giao nhiệm vụ, cô lập, tách rời ...nhưng nhờ có ý chí và nghị lực Người đã bình tĩnh, chủ động vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian nguy, kiên trì mục đích sống, bảo vệ chân lý, giữ vững quan điểm cách mạng của mình.

Dũng cảm, bền bỉ, quyết tâm, bất khuất là những đặc trưng trong nhân cách Hồ Chí Minh. Một tờ báo nước ngoài đã viết: “ Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của Cụ Hồ là một ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi”.⁹¹

Học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã được Đảng Cộng sản Việt Nam phát động và được sự hưởng ứng của của nhân dân. Sinh viên, thanh niên trí thức cùng với toàn xã hội đã tạo nên nhiều chuyển biến tích cực trong đời sống đạo đức. Với những gì đã đạt được cũng như những gì còn hạn chế đòi hỏi có sự kết hợp đồng bộ giữa các lực lượng: Sự nỗ lực, tự giác của bản thân sinh viên, thanh niên trí thức; sự tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, sự mẫu mực của bố mẹ, anh chị trong gia đình, thầy cô giáo. Bên cạnh đó sự hướng dẫn của dư luận xã hội và pháp luật, sự vào cuộc của cơ quan quản lý có một vai trò không thể thiếu. Coi thường, xem nhẹ, buông lỏng một trong các yếu tố đó việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh rất khó có thể đạt được kết quả như mong muốn.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

Tư tưởng nhân văn có từ rất lâu trong lịch sử, tùy theo góc độ tiếp cận khác nhau nhưng điểm chung nhất của chủ nghĩa nhân văn là bàn tới CON NGƯỜI. Tư tưởng nhân văn

⁹¹ Dẫn theo TRẦN VĂN GIÀU: nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Hồ chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr228

Hồ Chí Minh thuộc dòng nhân văn cộng sản. Trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê nin về con người, bản chất con người, Hồ Chí Minh nhấn mạnh về con người ở hai góc độ sau:

Thứ nhất: Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực và các hoạt động của con người.

Con người trong quan niệm của Hồ Chí Minh được nhìn nhận như một chỉnh thể bao gồm sự thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội, được thể hiện thông qua những mối quan hệ xã hội. Đó là những mối quan hệ đa dạng, phức tạp, phong phú: quan hệ dân tộc, quan hệ giai cấp, quan hệ tầng lớp... quyết định đến bản chất của con người. Từ những quan hệ cụ thể của mỗi con người cụ thể dẫn đến sự đa dạng của con người về tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng... Con người Việt Nam dù có khác nhau về hoàn cảnh xuất thân, về điều kiện sinh sống, làm việc nhưng đều có một điểm chung nhất là luôn có khát vọng vươn tới giá trị Chân- Thiện- Mỹ.

Thứ hai: Hồ Chí Minh xem xét con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập.

Trong mỗi con người luôn tồn tại hai mặt đối lập cùng tồn tại. Đó là sự đối lập giữa: cái thiện và cái ác, cái tốt và cái xấu, cái hay và cái dở, hiền và dữ... điều đó tạo nên sự day dứt, trăn trở trong suy nghĩ, sự chần chừ hay quyết đoán trong hành động. Con dù thế nào? Tốt hay xấu, văn minh hay giã man đều có tình.

Như vậy, Hồ Chí Minh tiếp cận con người ở cả hai góc độ sinh học và xã hội nhưng mặt xã hội ở con người được nhấn mạnh hơn, con người luôn có xu hướng vươn tới tính thiện.

b. Con người cụ thể, lịch sử

Hồ Chí Minh nhìn nhận con người lịch sử, cụ thể, không có con người chung chung trừu tượng, phi lịch sử hay con người kiểu tôn giáo. Trước khi trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh chủ yếu nhận thức con người trong phạm vi dân tộc, phản ánh gốc rễ, nguồn gốc của dân tộc: như con Lạc cháu Hồng, con Rồng, cháu tiên là khái niệm “Đồng bào”.

Khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác Lênin nhận thức về con người của Hồ Chí Minh có sự phát triển. Người sử dụng các khái niệm “người bản xứ”, “người bản xứ bị mất nước”, “người mất nước”, “người vô sản”, “người vô sản ở thuộc địa”.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Người dùng “đồng bào” “quốc dân”.... dùng khái niệm nhân dân, dân để chỉ các thành phần các lực lượng xã hội. Con người được xem xét trong các mối quan hệ cụ thể: theo góc độ giai cấp, tầng lớp(công nhân, nông dân, lao động trí óc), theo góc độ giới tính(đàn ông, đàn bà), theo góc độ lứa tuổi(nhi đồng, thanh, thiếu niên,phụ lão), trong khối thống nhất dân tộc(sĩ, nông,công, thương), trong quan hệ quốc tế(bầu bạn năm châu, các dân tộc bị áp bức, bốn phương vô sản). Với phạm vi rộng đề cập tới toàn dân tộc Việt Nam chỉ từ bọn đi ngược lại quyền lợi, lợi ích của dân tộc.

Hồ Chí Minh chỉ dùng khái niệm con người trong một số trường hợp đặc biệt: Trong tuyên ngôn độc lập, Người dùng “ phẩm giá con người”. Lời kêu gọi đăng trên báo “Người cùng khổ” chỉ rõ nhiệm vụ của tờ báo là “Giải phóng con người”. Trong di chúc “Đầu tiên là công việc với con người”.

c. Bản chất con người mang tính xã hội

Mác đã từng nhấn mạnh: bản chất con người không phải là cái gì trừu tượng, trong tính riêng biệt vốn có của nó bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Trên nền tảng đó Hồ Chí Minh đã khẳng định:

Thứ nhất, con người là sản phẩm của tự nhiên nhưng khác với động vật, con người muốn tồn tại thì con người phải sản xuất vật chất.

Trong quá trình lao động sản xuất vật chất, con người có quan hệ với tự nhiên, quan hệ với người khác. Quá trình đó con người dần nhận thức được các hiện tượng, các quy luật của tự nhiên, cùng với quá trình sản xuất con người dần hiểu về mình và hiểu biết lẫn nhau, xác lập mối quan hệ giữa người với người, hiểu biết các quy luật xã hội.

Thứ hai, con người là sản phẩm xã hội.

Trong quan niệm của Hồ chí Minh, con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Đó là các mối quan hệ từ hẹp đến rộng, chủ yếu là các mối quan hệ: Gia đình, họ hàng, bầu bạn, đồng bào, loài người. Chính từ yêu cầu cụ thể các mối quan hệ đó mà hình thành bản chất con người.

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

Thứ nhất: Con người là vốn quý nhất – nhân tố quyết định thành công của cách mạng

Khi bàn về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, chủ nghĩa Mác-Lê nin đã chỉ rõ: quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử. Quần chúng nhân dân là người sản xuất ra của cải vật chất duy trì sự tồn tại và phát triển của loài người, là người sáng tạo ra các giá trị tinh thần cho xã hội, là động lực của mọi cuộc cách mạng xã hội.

Hồ Chí Minh trung thành với quan điểm đó của chủ nghĩa Mác-Lê nin, vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Người chỉ rõ: “ Vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả”⁹². Con người, trong quan niệm của Hồ Chí Minh đó là nhân dân. Bàn về vai trò của nhân dân, Người chỉ rõ: “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Do đó “việc để mấy không có nhân dân cũng chịu, việc khó mấy có dân liệu cũng xong”. Hồ Chí Minh tổng kết ngắn gọn: dân ta tốt lắm.

Từ khái quát về vị trí của nhân dân đối với cách mạng, Hồ Chí Minh đi sâu phân tích những phẩm chất tốt đẹp của nhân dân từ long trung thành và tin tưởng vào cách mạng, vào Đảng đến những công việc cụ thể hằng ngày như nhường cơm, xẻ áo, che chở, đùm bọc, nuôi dưỡng cán bộ.

Dân là tài năng, trí tuệ và sáng tạo. Dân biết “giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”⁹³. Hồ Chí Minh có niềm tin chắc chắn vào sức mạnh của lòng yêu nước của nhân dân, sức mạnh đó sẽ khơi dậy lực lượng vô tận của nhân dân ta, điều đó tạo nên sự chuyển biến trong sức mạnh dân tộc từ chỗ có thể thắng đến chỗ nhất định thắng lợi.

Nhân dân là nhân tố quyết định thành công của cách mạng. “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi”⁹⁴.

Thứ hai: Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, phải coi trọng, phát huy nhân tố con người.

⁹² Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tập 5, tr 241

⁹³ Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tập 5, tr 295

⁹⁴ Hồ Chí Minh- Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000. tập 6, tr 281

Con người là mục tiêu của cách mạng

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định đó là sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu đó luôn nhất quán trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh từ khi đến với chủ nghĩa Mác Lênin cho đến di chúc cuối cùng: “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Năm 1911, khi đất nước đang bị nô dịch, nhân dân đang bị lầm than, Hồ Chí Minh ra đi tìm đường “ giải phóng công cùng nô lệ cho đồng bào”. Người chỉ rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Hồ Chí Minh xác định con người là mục tiêu của cách mạng ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể. Khi đất nước còn chìm đắm trong cảnh mất nước, nô lệ thì mục tiêu trên hết, trước hết đấu tranh giành độc lập dân tộc. Khi đã có chính quyền nhân dân, thì mục tiêu cũng có sự thay đổi “ nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”. Chính vì lẽ đó mà Người chỉ rõ mục tiêu của quá trình cách mạng trong giai đoạn mới là: Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành.

Người cũng chỉ rõ mọi đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước đều vì lợi ích chính đáng của con người. Từ đường lối chuyển sang tổ chức thực hiện phải quán triệt quan điểm: việc gì có lợi cho dân, dù nhỏ mấy- ta phải hết sức làm, việc gì hại cho dân- dù nhỏ mấy ta phải hết sức tránh.

Coi con người là mục tiêu của cách mạng, Hồ Chí Minh đặt niềm tin vào sức mạnh, năng lực sáng tạo của nhân dân.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người khẳng định điều kiện cần và đủ của quá trình cách mạng “ Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa”, “ có dân thì có tất cả”... sức mạnh của nhân dân còn được Hồ Chí Minh nhận thức từ mối quan hệ giữa Đảng, Chính phủ với nhân dân: Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng; nếu không có Chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường. Đảng lãnh đạo nhưng dân là chủ. Tin dân, học dân, tôn trọng dân, dựa vào dân, lãnh đạo dân sẽ tạo nên sức mạnh vô địch.

Đặt niềm tin vào dân, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ phải chống các căn bệnh: xa nhân dân, khinh nhân dân, sợ nhân dân, không tin cậy nhân dân, không hiểu biết nhân dân, không thương yêu nhân dân. Những căn bệnh này sẽ dẫn đến căn bệnh trầm kha hơn, nguy hiểm hơn đó là bệnh quan liêu, mệnh lệnh, ngăn cản sự thành công của sự nghiệp cách mạng.

Con người là động lực của cách mạng. Con người là động lực cách mạng được nhìn nhận ở phạm vi cả nước nhưng trước hết là giai cấp công nhân và nông dân.

Con người là động lực cách mạng phải là con người có giác ngộ, có giáo dục, định hướng và tổ chức. Đó là con người có trí tuệ, bản lĩnh văn hóa, đạo đức được nuôi dưỡng bằng giá trị truyền thống của dân tộc.

Con người là động lực của cách mạng chỉ có thể thực hiện được khi đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản với tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin lãnh đạo. Phải giải quyết được mối quan hệ biện chứng giữa con người mục tiêu và con người – động lực của cách mạng.

Trong khi phát huy vai trò con người với tư cách động lực của cách mạng phải khắc phục những trở ngại cản trở tích cực của con người, đó là chủ nghĩa cá nhân, một căn bệnh đẻ ra các căn bệnh nguy hiểm khác như: Thói quen, truyền thống lạc hậu, bảo thủ trì trệ, không dám bày tỏ chính kiến, không dám làm, không dám chịu trách nhiệm.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người”

Xuất phát từ quan niệm con người là mục tiêu và động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Như vậy có thể hiểu theo hai nghĩa:

Nghĩa rộng, con người nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nghĩa hẹp, con người nằm trong chiến lược giáo dục – đào tạo.

Hồ Chí Minh khẳng định: muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa.

Xã hội quy định Con người Việt Nam đang trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần những con người xã hội chủ nghĩa. Đó là mối quan hệ biện chứng. Con người xã hội chủ nghĩa là mục tiêu của cách mạng, nhưng họ lại là động lực để xây dựng chủ nghĩa

xã hội. Con người mới xã hội chủ nghĩa vừa là con người kế thừa những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa có những phẩm chất của xã hội mới. Đó là con người có mục đích vì độc lập dân tộc vì chủ nghĩa xã hội, là con người có đạo đức cách mạng, trí tuệ và bản lĩnh làm chủ, có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng.

Muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải giáo dục, đào tạo, đó là biện pháp quan trọng bậc nhất. Hồ Chí Minh đã khẳng định “vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”.

Người chỉ rõ vai trò của giáo dục: giáo dục tốt sẽ tạo ra tính thiện, đem tương lai tươi sáng cho lớp trẻ, giáo dục tồi sẽ ảnh hưởng xấu đến dân tộc. Phải nâng cao dân trí cho cả dân tộc trong điều kiện hòa bình cũng như chiến tranh. Người chỉ rõ mối quan hệ giữa giáo dục và phát triển, giáo dục và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, dốt thì đại, đại thì hèn nên phải chống dốt cũng như giặc đói, giặc ngoại xâm.

Nội dung giáo dục phải toàn diện: đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng, tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu. Tóm lại là giáo dục cả đức và tài.

Phương pháp giáo dục cũng phải phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh.

“Trồng người” là công việc lâu dài do vậy phải bền bỉ, kiên nhẫn đối với mọi người và đối với toàn xã hội trong thời kỳ quá độ. Đó là tinh thần “học, học nữa, học mãi” của Lê nin và tinh thần của Khổng Tử “học không biết chán, dụng không biết mỏi”.

Rõ ràng, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là nhân văn hành động và đòi hỏi hành động nhằm đem lại hạnh phúc và ấm no cho nhân dân. Tư tưởng và hành động của Người đặc biệt trong sáng và cao cả thấm đượm tình đồng bào, đồng chí nặng nghĩa quên mình suốt đời vì dân, vì nước không màng danh lợi bản thân. Người là bậc đại tài, đại dũng, đại nhân.

C. KẾT LUẬN

- Sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh:

- + Đề cao vai trò của văn hóa, gắn văn hóa với phát triển.
- + Xác lập hệ thống quan điểm có giá trị xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam.
- + Đề cao vai trò của đạo đức, gắn đạo đức với sự phát triển tiến bộ của xã hội.
- + Xác lập hệ chuẩn giá trị đạo đức cho con người mới Việt Nam.

+ Coi trọng con người và xây dựng con người.

- Ý nghĩa của việc học tập:

+ Thấy rõ những cống hiến kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

+ Xác định rõ phương hướng, biện pháp học tập tư tưởng văn hóa, đạo đức, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

+ Nhận thức rõ biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, đặc biệt là sự quan tâm đến con người.

+ Xác định con đường phấn đấu để trở thành con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Trình bày những chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh và những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng?

2. Trình bày những nội dung chủ yếu của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh?

3. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, tính chất và chức năng của văn hoá?

4. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về những lĩnh vực chính của văn hóa?

5. Phân tích những yêu cầu cơ bản trong vận dụng tư tưởng đạo đức, nhân văn, văn hoá Hồ Chí Minh vào việc xây dựng một nền văn hóa mới, con người mới Việt Nam hiện nay?

E. CÁC TÁC PHẨM, BÀI VIẾT, BÀI NÓI CỦA HỒ CHÍ MINH CẦN THAM KHẢO

1. Bài nói chuyện tại trường chính trị trung cấp quân đội, Ngày 25/10/1951.

2. Sửa đổi lối làm việc, Tháng 10/1947.

3. Cần, kiệm, liêm, chính, Tháng 6/1949

4. Thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu, Năm 1952.

5. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

6. Nghe tiếng giã gạo, Nhật ký trong tù, Năm 1942

7. Đòi sống mới, Tháng 3/1947.

8. Thư gửi bác sỹ Vũ Đình Tụng, Tháng 1/1047.

9. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi, Ngày 10/7/1969.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh), do Bộ giáo dục xuất bản năm 2009.
2. Đề cương chi tiết môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, năm 2015.
3. Bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ môn Mác - Lênin, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, năm 2016.

Tài liệu tham khảo thêm:

1. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Hồ Chí Minh, toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2000
3. Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2007.

